

Số: 034/STG/CV-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ Phần Kho Vận Miền Nam
Mã chứng khoán: STG
Địa chỉ trụ sở chính: 1B Hoàng Diệu, phường 13, Quận 4, TP.HCM
Điện thoại: 08.38266594
Fax: 08.38266593
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đặng Vũ Thành
Địa chỉ: 1B Hoàng Diệu, phường 13, Quận 4, TP.HCM
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 08.38266594
Fax: 08.38266593
Loại công bố thông tin 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

Báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn www.sotrans.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



ĐẶNG VŨ THÀNH



SOTRANS

We make it simple!

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

www.sotrans.com.vn



PHẦN 1

GIỚI THIỆU VỀ SOTRANS

45 NĂM

KINH NGHIỆM TRONG NGÀNH DỊCH VỤ LOGISTICS.

CÔNG TY TNHH MTV SOTRANS, tiền thân là CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM - SOTRANS được thành lập từ năm 1975 với hệ thống kho và vận chuyển chủ lực của ngành thương mại, đến năm 2007 SOTRANS chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần và đã hoạt động mạnh trong các lĩnh vực kho đa chức năng, kinh doanh xăng dầu, giao nhận vận tải quốc tế.

SOTRANS hiện đang là một trong những công ty hàng đầu trong ngành giao nhận vận tải quốc tế, giao nhận hàng hóa XNK và dịch vụ Kho đa chức năng tại Việt Nam. Năm 2010 Công ty phát triển hoạt động Cảng thông quan nội địa với tổng vốn đầu tư hơn 50 tỉ đồng và năm 2017 Công ty đầu tư hơn 100 tỉ đồng xây dựng Kho SOTRANS Phú Mỹ nhằm hoàn thiện chuỗi dịch vụ logistics vốn đã được khẳng định qua uy tín thương hiệu SOTRANS trên thị trường. Trong tương lai Công ty sẽ tiếp tục phát triển đa ngành với các hoạt động đầu tư cảng, trung tâm phân phối, hậu cần, tiếp vận, trung tâm thương mại, khách sạn, văn phòng phức hợp

(theo qui hoạch của thành phố và các tỉnh).

SOTRANS hiện có 4 khối và các bộ phận kinh doanh hoạt động trong các lĩnh vực giao nhận vận tải quốc tế, nội địa, kho đa chức năng, cảng. Công ty có hệ thống đại lý tại hơn 100 quốc gia trên thế giới, trong đó tập trung vào các thị trường lớn như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU... Với hệ thống đại lý mạnh ở các cảng lớn trên thế giới, có quan hệ mật thiết với các hãng tàu uy tín, các dịch vụ của công ty luôn đảm bảo đúng lịch trình với giá cước phù hợp, đáp ứng yêu cầu riêng của từng khách hàng.

Kinh doanh kho hiện là thế mạnh của SOTRANS với hệ thống kho ngoại quan và kho chứa hàng đa chức năng với hơn 45 năm kinh nghiệm. Hệ thống kho của SOTRANS hiện có hơn 230.000 m², nằm tại trung tâm TP. HCM, các khu vực lân cận và các khu công nghiệp tiếp giáp với sông Sài Gòn thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ lẫn đường sông.

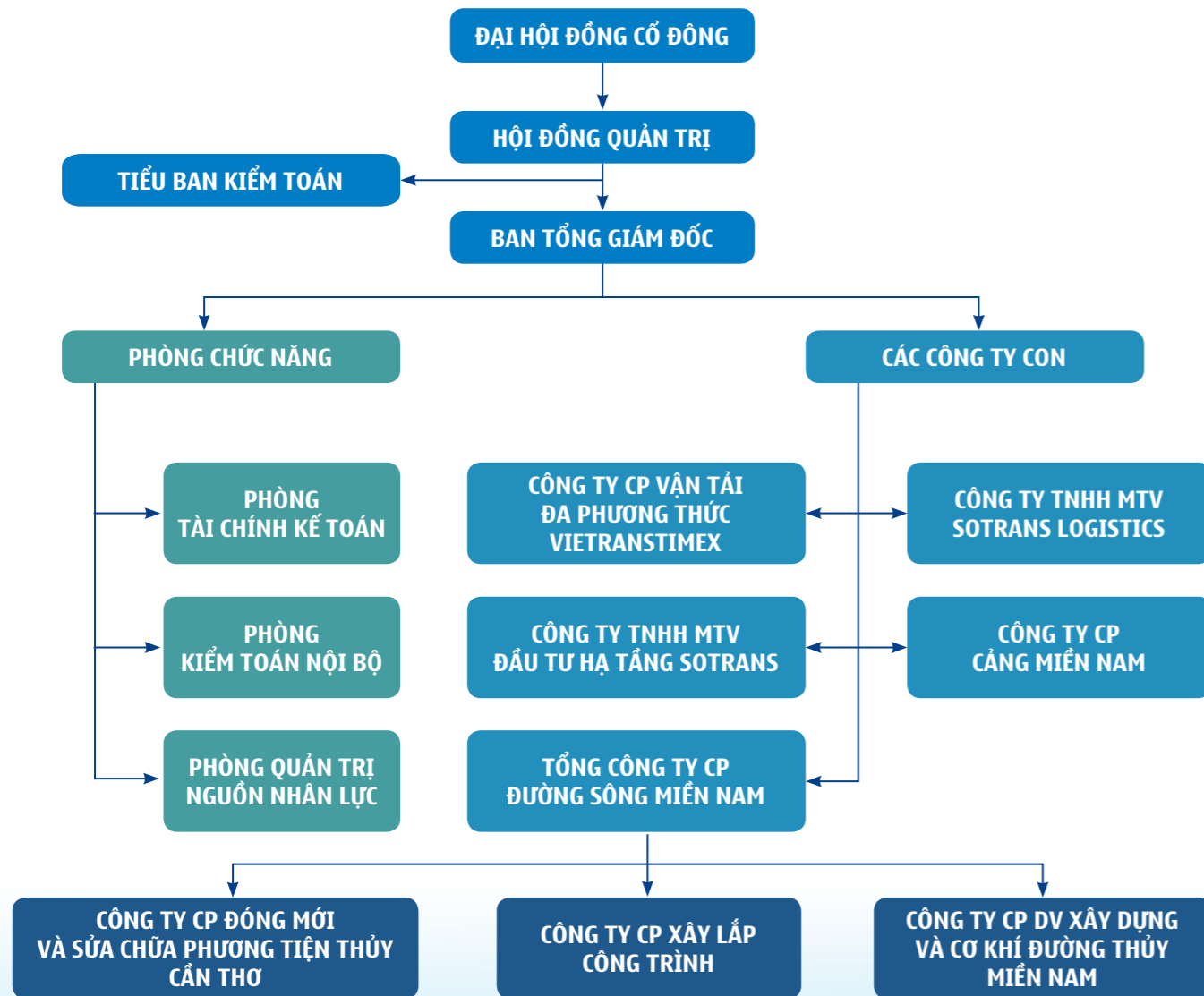
SOTRANS được Hải quan TP.HCM

công nhận là đại lý hải quan mẫu đầu tiên tại Việt Nam. Việc công nhận này cùng với chứng nhận đại lý hải quan điện tử do Hải quan TP.HCM cấp trước đó, SOTRANS có thể thay mặt chủ hàng ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan, giải quyết các vấn đề phát sinh, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí thông quan hàng hóa cho khách hàng. Điều đó khẳng định tính chuyên nghiệp và trách nhiệm của SOTRANS trong dịch vụ khai báo hải quan.

Các dịch vụ của SOTRANS được bảo hiểm trách nhiệm toàn phần, góp phần hạn chế rủi ro cho khách hàng khi sự cố xảy ra. Thông tin về hàng hóa thường xuyên được cập nhật, với những khách hàng lớn, công ty cử cán bộ thường xuyên có mặt tại văn phòng của khách để giải quyết ngay nhu cầu mới phát sinh, được khách hàng tin cậy và đánh giá cao. SOTRANS đã được các tập đoàn đa quốc gia như Scavi, Cargil, Holcim, Uni-President, PepsiCo, Samsung, P&G, Colgate-Palmolive, FrieslandCampina, Texhong.. lựa chọn là nhà cung ứng dịch vụ giao nhận tại thị trường Việt Nam.

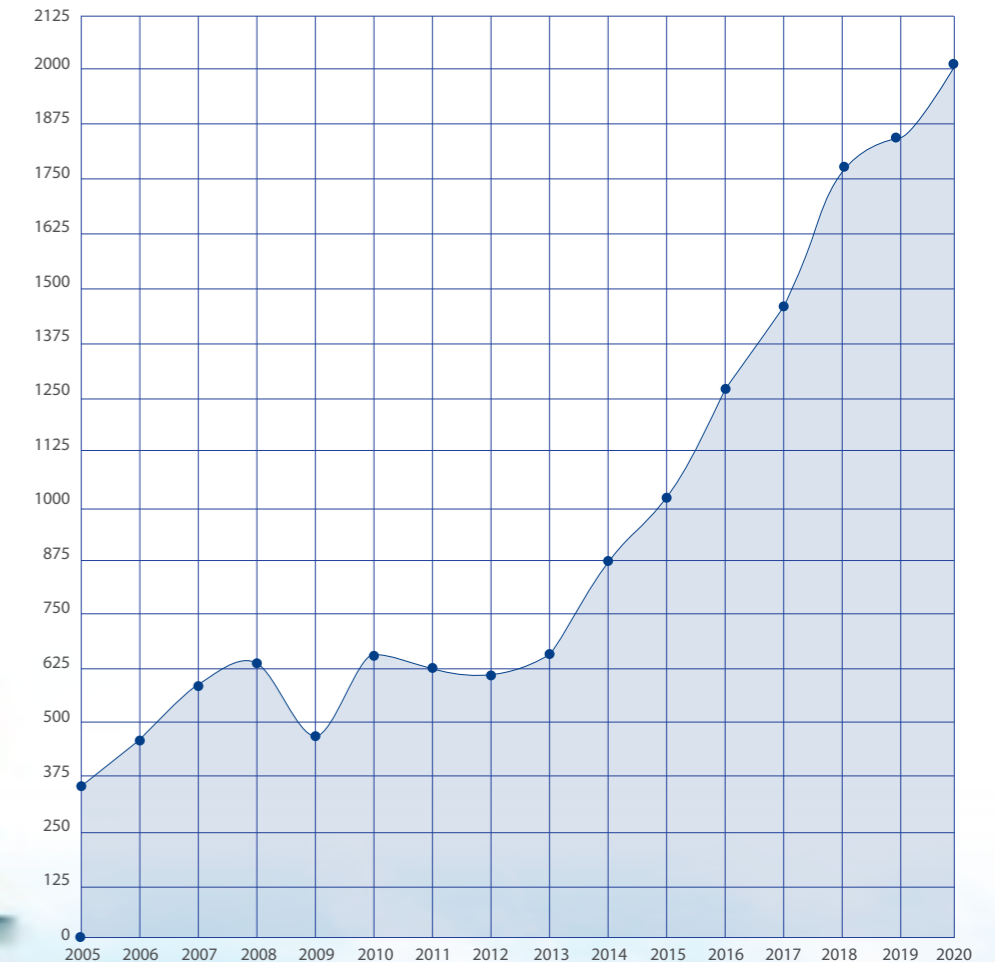
2.032 TỈ ĐỒNG

DOANH THU NĂM 2020



Trong nhiều năm qua, mức tăng trưởng doanh thu của SOTRANS luôn đạt khoảng 30% và tăng đều trong suốt 7 năm gần đây nhất. Điều đó cho thấy sự ổn định trong tăng trưởng và phát triển của SOTRANS.

SOTRANS cũng là một trong những đơn vị có thu nhập bình quân của CB CNV cao nhất trong lĩnh vực kho bãi, vận tải, giao nhận tại TP. Hồ Chí Minh nói riêng và Việt Nam nói chung.

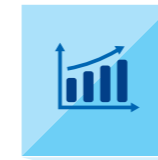


STT	TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ THỰC GÓP, TỶ LỆ SỞ HỮU	LĨNH VỰC KINH DOANH	ĐỊA CHỈ
1	CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ HẠ TẦNG SOTRANS (SII).	Vốn điều lệ 901 tỷ đồng. SOTRANS nắm giữ 100% vốn điều lệ	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa; xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình công ích; phá dỡ; san lấp mặt bằng; hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; hoạt động xây dựng công trình chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng...	1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, TP.HCM
2	CÔNG TY CP VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX.	Vốn điều lệ hơn 209 tỷ đồng. SOTRANS nắm giữ 93.17% vốn điều lệ	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy, cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.	1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, TP.HCM
3	CÔNG TY TNHH MTV SOTRANS LOGISTICS.	Vốn điều lệ 91,3 tỷ đồng. SOTRANS nắm giữ 100% vốn điều lệ	Cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan; trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa.	1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, TP.HCM
4	CÔNG TY CP CẢNG MIẾN NAM.	Vốn điều lệ 20 tỷ đồng. SOTRANS nắm giữ 100% vốn điều lệ.	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới cảng thông quan nội địa, vận tải.	9 Xa lộ Hà Nội, P. Trường Thọ, Quận Thủ Đức

STT	TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ THỰC GÓP, TỶ LỆ SỞ HỮU	LĨNH VỰC KINH DOANH	ĐỊA CHỈ
5	TỔNG CÔNG TY CP ĐƯỜNG SÔNG MIẾN NAM.	Vốn điều lệ 671 tỷ đồng. SOTRANS nắm giữ 93,34% vốn điều lệ.	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng container; đại lý vận tải; cung cấp hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn); cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đóng tàu và cấu kiện nổi; sửa chữa tàu thuyền; chuẩn bị mặt bằng sản xuất, bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cung ứng và quản lý nguồn lao động; và đại lý kinh doanh dầu và dầu nhờn.	298 Huỳnh Tấn Phát, P. Tân Thuận Tây, Quận 7, TP.HCM
6	CÔNG TY CP XÂY LẮP CÔNG TRÌNH (ECCO).	SOTRANS nắm giữ 80,41% vốn điều lệ.	Xây dựng các công trình dân dụng	202 Lê Lai, P. Bến Thành, Quận 1, TP.HCM
7	CÔNG TY CP ĐÓNG MỚI VÀ SỬA CHỮA PHƯƠNG TIỆN THỦY CÁN THƠ	SOTRANS nắm giữ 65,34% vốn điều lệ.	Cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi	77B Trần Phú, P. Cái Khế, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
8	CÔNG TY CP DỊCH VỤ XÂY DỰNG VÀ CƠ KHÍ ĐƯỜNG THỦY MIẾN NAM ("SOWATMES")	SOTRANS nắm giữ 47,60% vốn điều lệ.	Xây dựng các công trình dân dụng	59 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP.HCM



STT	TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ SỞ HỮU	LĨNH VỰC KINH DOANH	ĐỊA CHỈ
1	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN THE PIER.	Công ty sở hữu 50% vốn chủ sở hữu của The Pier.	Kinh doanh Bất Động Sản.	Phòng 1606, Lầu 16, tòa nhà Sailing, số 111A Pasteur, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM
2	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN SORECO.	Công ty sở hữu 50% vốn chủ sở hữu của SORECO.	Kinh doanh Bất Động Sản.	Tầng 16, tòa nhà Sailing, số 111A Pasteur, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM
3	CÔNG TY LIÊN DOANH PHÁT TRIỂN TIẾP VẬN SỐ 1 (VICT).	Công ty nắm giữ 37% quyền biểu quyết gián tiếp tại VICT.	Kinh doanh khu cảng container tại Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM và kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa và vận chuyển container bằng đường bộ cho các khách hàng trực tiếp sử dụng dịch vụ cảng container.	Đường A5, Khu phố 5, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM
4	CÔNG TY CP DV TỔNG HỢP ĐƯỜNG THỦY MIỀN NAM (SOWAT-COSER).	Công ty nắm giữ 26.27% quyền biểu quyết gián tiếp tại SOWATCOSER.	Cung cấp các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.	38 Tôn Thất Thuyết, Phường 15, Quận 4, TP.HCM
5	CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VÀ THƯƠNG MẠI 747 (SOWATCO-ECO 747).	Công ty nắm giữ 49% quyền biểu quyết gián tiếp tại SOWATCO-ECO 747.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.	161/1 Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
6	CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI.	Công ty nắm giữ 20.25% quyền biểu quyết gián tiếp tại Cảng Đồng Nai.	Cung cấp các dịch vụ cảng, vận tải.	1B Đường D3, Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Đồng Nai



MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG:

➢ 2021-2024: tăng trưởng 250%.



MỤC TIÊU THƯƠNG HIỆU:

➢ Thương hiệu SOTRANS là một trong những thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực logistics.



MỤC TIÊU XÃ HỘI:

- Thực hiện đúng trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.
- Tạo môi trường làm việc văn minh, chuyên nghiệp.
- Đảm bảo thu nhập cho người lao động.
- Chăm lo đời sống, sức khỏe của người lao động.
- Tham gia bảo vệ môi trường, công tác xã hội phù hợp với hoạt động của công ty.
- Không ngừng phát triển và mở rộng hệ thống, tạo nhiều việc làm, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.



MỤC TIÊU ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN:

- Với việc đầu tư hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin, SOTRANS đã triển khai hoàn thiện hệ thống VoIP phone, Video Conference, kết nối mạng lưới văn phòng SOTRANS trên toàn quốc.
- Bên cạnh các phần mềm quản lý doanh nghiệp, SOTRANS áp dụng phần mềm quản lý vận chuyển TMS, GoSmartLog..., nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, đáp ứng nhu cầu phát triển và tăng hiệu quả kinh doanh.
- Mục tiêu hoàn thiện hệ thống phần mềm ERP đưa vào ứng dụng để nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.



MỤC TIÊU TỔ CHỨC, CƠ CẤU:

- Xây dựng tổ chức và hoạt động bền vững với cơ cấu tổ chức phù hợp, đội ngũ nhân sự kế thừa, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo an toàn, bền vững và thân thiện với môi trường.
- Thực hiện tái cơ cấu tài sản nhằm mục tiêu tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài sản, đồng thời tập trung đầu tư vào các tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chính, phù hợp với chiến lược lâu dài của Công ty.





Chuỗi cung ứng (Supply Chain) là quá trình theo dõi hàng hóa thông qua việc thống kê và điều khiển từ khâu cung cấp hàng, bổ sung nguyên vật liệu, đến khâu bán lẻ, hay nói cách khác là quá trình điều hành và quản lý sự lưu thông hàng hóa. Xu hướng tiến tới việc giao hàng đúng lúc, kết hợp với các khuyến mãi hấp dẫn để tiếp cận các nguồn cung ứng tốt nhất khiến cho chuỗi cung ứng nào cũng chứa đầy rủi ro.

RỦI RO VỀ KINH TẾ:

Kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp.

Năm 2019, kinh tế trong nước cơ bản ổn định; GDP năm 2019 tăng 7,02%, vượt mục tiêu đặt ra; lạm phát bình quân được kiểm soát ở mức thấp 2,01%.

Các chỉ tiêu có mức tăng trưởng hàng năm cao hơn cùng kỳ năm ngoái gồm có GDP, bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (đã loại trừ yếu tố giá). Kim ngạch xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước tăng trưởng 8,4% so với năm 2018.

Với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là các dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế, kinh doanh kho bãi và giao nhận

hàng hoá xuất nhập khẩu, kết quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc trực tiếp vào tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế và tình hình hoạt động xuất nhập khẩu ở Việt Nam.

Những thay đổi về chính sách cũng như những biến động của nền kinh tế Việt Nam sẽ ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hoạt động xuất nhập khẩu và gây tác động đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này, trong đó có Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam.

RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP:

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của Công ty.

Hiện nay, hệ thống pháp luật của nước ta chưa thật sự

hoàn chỉnh, còn tồn tại nhiều quy định phức tạp chồng chéo trong lĩnh vực hành chính nhất là những quy định về thủ tục hải quan và các hoạt động liên quan đến xuất nhập khẩu. Luật hải quan hiện đã ra đời nhưng cũng cần thời gian để hoàn thiện mọi vấn đề trong thực tế. Điều này làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải của SOTRANS.

RỦI RO ĐẶC THÙ:

Hoạt động logistics chuyên nghiệp đòi hỏi phải tích hợp được hàng loạt các dịch vụ vận tải giao nhận thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu thành một chuỗi liên tục để đảm bảo hàng hóa được vận chuyển trọn gói từ nhà sản xuất - vận tải - người tiêu dùng. Cơ sở hạ tầng cho dịch vụ logistics chưa hoàn chỉnh cũng là một trở ngại cho hoạt động kinh doanh của các công ty trong lĩnh vực này.

SOTRANS sẽ phải phát triển trên diện rộng các hoạt



động trong chuỗi dịch vụ logistics từ khâu nguyên liệu cho sản xuất đến vận chuyển, lưu kho, tu chỉnh bao gói và phân phối đến các điểm bán lẻ cho người tiêu dùng để tăng khả năng kiểm soát cũng như phối hợp giữa các yếu tố đầu vào cùng kinh nghiệm và hoạt động thực tại của Công ty.

RỦI RO KHÁC:

Các rủi ro khác như dịch bệnh Covid-19, các thiên tai, dịch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty, đặc biệt đối với hoạt động giao nhận vận tải quốc tế. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình thời tiết, lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu; tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của SOTRANS và của khách hàng.



GIAI ĐOẠN THÀNH LẬP

1975 > 1987

Ngày 14 tháng 10 năm 1975, công ty Kho Vận Cấp 1 - tiền thân của Công ty CP Kho Vận Miền Nam, SOTRANS ngày nay - đã được thành lập trên cơ sở tiếp quản Kho Tôn Trữ Thủ Đức và Nha chuyển vận/ Nha bảo trì thuộc cơ quan tiếp vận trung ương của chính quyền Sài Gòn.

Nhiệm vụ chính của công ty tại thời điểm này là các hoạt động kho bãi, vận chuyển nội địa các mặt hàng nhu yếu phẩm trên tuyến đường Nam - Bắc, tham gia vào quá trình tái thiết đất nước sau thời gian chiến tranh, cũng như làm các nghĩa vụ quốc tế đối với các nước bạn Lào và Campuchia.

Trong thời kỳ này, Công ty là đơn vị đầu ngành trong lĩnh vực kho bãi và vận chuyển nội thương, với hàng trăm xe tải, hàng ngàn tấn phương tiện vận tải ven biển và vận tải đường sông. Trong nhiều năm liền, Công ty đã liên tục hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước về kho bãi, giao nhận, vận chuyển Nam Bắc và các nghĩa vụ quốc tế.

GIAI ĐOẠN HỘI NHẬP

1988 > 1991

Nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung và cơ chế quan liêu bao cấp đã tạo ra không ít khó khăn cho công ty trong thời điểm này. Hàng hóa thiếu về số lượng và chất lượng, kho hàng để trống trong thời gian dài, thị trường vận tải trong nước cả đường bộ lẫn đường thủy đều sa sút. Công ty phải thanh lý hết các phương tiện vận tải: tàu bè, xà lan, đoàn xe tải ... và tìm kiếm những giải pháp kinh doanh phù hợp hơn.

Năm 1990, Công ty thành lập Xí Nghiệp Kinh Doanh Thương Mại, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dầu nhờn thương hiệu SOLUBE. Đây được thưởng Thương mại Dịch vụ.

GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN

1992 > 2007

Năm 1992 - SOTRANS INTERNATIONAL FREIGHT FORWARDERS bắt đầu đi vào hoạt động, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong lịch sử Công ty. SOTRANS giờ đây đã có hệ thống đại lý trên toàn thế giới. Trong giai đoạn này, SOTRANS trở thành thành viên của các tổ chức như Phòng thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hiệp hội Giao nhận Kho vận Việt Nam (VIFFAS - VLA), Hiệp hội Vận tải Giao nhận quốc tế (FIATA).

Năm 2001, hệ thống quản lý chất lượng của SOTRANS đã được DNV - một trong những tổ chức quản lý chất lượng có uy tín nhất thế giới cấp chứng chỉ ISO 9001 phiên bản 2000. Cho đến năm 2005, SOTRANS đã chính thức là thành viên của VCCI, VIFFAS - VLA, FIATA và IATA. Với chính sách tập trung đầu tư phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng những đòi hỏi ngày càng khắt khe của thị trường, hiện nay tại SOTRANS đã có những Tiến sĩ, Thạc sĩ, hàng trăm Cử nhân và hàng chục người vẫn đang tiếp tục theo học các chương trình Cao học.

SOTRANS cũng tham gia mạnh mẽ vào hoạt động cộng đồng: tham gia quỹ vì người nghèo, quỹ khuyến học, các công tác từ thiện, chương trình "đền ơn đáp nghĩa" phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng... Công ty đã được Nhà nước tặng 5 Huân chương Lao động cho tập thể, 4 Huân chương Lao động cho cá nhân, nhiều cờ thi đua, bằng khen của Bộ Thương mại và các ngành các cấp khác. Nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập SOTRANS (14/10/1975 - 14/10/2005) Công ty vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng 1 của Chủ tịch nước trao tặng.

GIAI ĐOẠN CỔ PHẦN HÓA

2007 ĐẾN NAY

Năm 2007, SOTRANS chuyển đổi thành Công ty Cổ phần với tên mới là CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM và đoạt giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2009. Vào năm 2010, thành lập Xí nghiệp GNVN Quốc Tế Tiêu Điểm (SOTRANS Focus), Cảng Kho vận (SOTRANS ICD) và Xí nghiệp Vật Tư Xăng Dầu (SOTRANS Petrol). Nhân kỷ niệm 35 năm thành lập, SOTRANS vinh dự đón nhận Huân Chương Lao Động Hạng Nhất và đoạt giải thưởng Thương mại Dịch vụ.

Hiện nay SOTRANS có đội ngũ trên 380 CB CNV, hoạt động trong các lĩnh vực: kinh doanh kho bãi, kinh doanh xăng dầu, dịch vụ giao nhận vận tải trong nước và quốc tế, cảng thông quan nội địa. Công ty có mạng lưới hoạt động cả nước, hệ thống đại lý giao nhận toàn cầu, cơ sở vật chất đủ đáp ứng nhu cầu khách hàng với hàng trăm ngàn m2 kho bãi cảng, các thiết bị bốc dỡ vận chuyển container và hàng hóa hiện đại. SOTRANS đã trở thành thương hiệu mạnh trong nước và quốc tế với tốc độ tăng trưởng hàng năm từ 20 đến 30%.



Trong quá trình hoạt động, SOTRANS đã không ngừng mở rộng địa bàn kinh doanh, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh. SOTRANS được tặng nhiều cờ thi đua xuất sắc của Bộ Thương mại và Chính phủ, đặc biệt SOTRANS được Chủ tịch Nước trao tặng Huân chương Lao động hạng III năm 2002, Huân chương Lao động hạng II năm 2005

và Huân chương lao động hạng I năm 2010. Thương hiệu SOTRANS 3 năm liên từ năm 2006 đạt giải thưởng “Thương hiệu mạnh Việt Nam” do thời báo Kinh tế Việt Nam phối hợp với Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Thương mại) tổ chức.

Ngoài ra, các đơn vị thành viên SOTRANS cũng đạt được nhiều giải

thưởng uy tín trong và ngoài nước như: Sao Vàng Đất Việt (năm 2009), Mai Vàng Hội Nhập (2003), Cúp chất lượng Mekong (2003), Bằng khen của Bộ Khoa Học Công Nghệ, Thương Hiệu Việt, chứng nhận Top 4 trong lĩnh vực vận tải hàng không Việt Nam do Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế IATA công nhận và nhiều giải thưởng khác.



NĂM	GIẢI THƯỞNG	ĐƠN VỊ TỔ CHỨC / TRAO TẶNG
2020	Top 10 Công ty Uy tín ngành Logistics	Việt Nam Report
2019	Top 500 Profit Việt Nam	Việt Nam Report
2018	Top 50 Việt Nam Best Grow	Việt Nam Report
2018	Top 500 FAST Việt Nam	Việt Nam Report
2017	Top 500 Fast Việt Nam	Việt Nam Report
2016	Top 500 VNR Việt Nam	Việt Nam Report
2015	Top 6 Doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam	Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam
2015	Giải thưởng Doanh nghiệp đạt chỉ số tín nhiệm tốt nhất 2014	Hội các Nhà Quản trị Doanh nghiệp Việt Nam
2011	Giải thưởng Thương Hiệu Mạnh Việt Nam 2010	Thời báo Kinh tế Việt Nam
2010	Huân chương lao động hạng nhất	Chủ tịch nước
2010	Giải thưởng Thương Hiệu Mạnh Việt Nam 2009	Thời báo Kinh tế Việt Nam

NĂM	GIẢI THƯỞNG	ĐƠN VỊ TỔ CHỨC / TRAO TẶNG
2010	Giải thưởng Thương mại Dịch vụ xuất sắc 2009	Bộ Công Thương - Báo Công Thương
2009	Giải thưởng Sao vàng đất Việt 2009	Hội Doanh nghiệp trẻ Việt Nam
2009	Giải thưởng Thương mại Dịch vụ xuất sắc 2008	Bộ Công Thương - Báo Công Thương
2009	Giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam 2008	Bộ Thương Mại và Thời Báo Kinh Tế Việt Nam
2008	Giải thưởng Thương mại Dịch vụ xuất sắc 2007	Bộ Công Thương - Báo Công Thương
2008	Giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam 2007	Bộ Thương Mại và Thời Báo Kinh Tế Việt Nam
2007	Cúp vàng thương hiệu mạnh	Hepza Expo
2006	Sao Vàng Đất Việt (Solube)	Hội Doanh nghiệp trẻ Việt Nam
2005	Huân chương lao động hạng nhì	Chủ tịch nước
2003	Mai Vàng hội nhập	Phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI
2002	Huân chương lao động hạng ba	Chủ tịch nước



SOTRANS tham gia đầy đủ các hiệp hội ngành nghề nhằm đảm bảo dịch vụ đạt chuẩn quốc tế khi cung cấp đến khách hàng.



CARVRE SEVEN (C7):

Nhiệm vụ của CARVRE SEVEN là tạo ra một môi trường thúc đẩy các mối quan hệ KINH DOANH thông qua MẠNG LƯỚI ĐỐI MỐI giữa các chuyên gia trong ngành logistics quốc tế. Mục tiêu của CARVRE SEVEN là tạo ra một nền tảng tạo điều kiện cho CỘNG TÁC VÀ ĐỒNG HÀNH đồng thời tiếp tục cung cấp cho các thành viên trong Hiệp hội KIẾN THỨC cho các vấn đề về Hậu Cản, Giao nhận và Vận chuyển.

SOTRANS là thành viên CARVRE năm 2017.



AIR & SEA ASSOCIATION:

ASA Network cung cấp hệ thống những Công ty giao nhận vận tải độc lập được lựa chọn - Các công ty logistics & môi giới hải quan, đây được xem như là một cơ hội tuyệt vời để phát triển kinh doanh với các đối tác được thành lập tốt trong cùng ngành trên khắp thế giới.

SOTRANS là thành viên ASA năm 2015.



HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP DỊCH VỤ LOGISTICS VIỆT NAM (VLA):

Hiệp hội các doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam được thành lập năm 2016 với tiền thân là Hiệp hội Giao nhận Vận tải Việt Nam (VIFFAS).

SOTRANS là thành viên VLA năm 1996.



WCA PROJECT:

Tất cả các hội viên trong WCA Projects Network đều có hồ sơ chứng minh hoạt động liên quan đến các dự án thuộc lĩnh vực thương mại, quân sự hoặc các dự án thuộc hoạt động của chính phủ chủ trì và điều này thể hiện sự cam kết hoàn toàn trong việc cung cấp cho khách hàng cũng như các đối tác những dịch vụ tốt nhất nhằm đáp ứng trong những thời hạn quan trọng.

SOTRANS là thành viên WCA Projects năm 2018.



HIỆP HỘI GIAO NHẬN VẬN TẢI QUỐC TẾ (FIATA):

FIATA là tên gọi viết tắt từ tiếng Pháp của Liên đoàn các Hiệp hội Giao nhận Vận tải Quốc tế (Fédération Internationale des Associations de Transitaires et Assimilés”, tên chính thức bằng tiếng Anh là “International Federation of Freight Forwarders Associations”.

Thành lập vào ngày 31/05/1926 và liên tục phát triển, trong nhiều năm qua FIATA đã trở thành người đại diện cho giới cung cấp dịch vụ logistics chuyên nghiệp toàn cầu. Thành viên của FIATA chủ yếu là các Hiệp hội Giao nhận và Logistics của các Quốc gia. Hiện tại, Hiệp hội có khoảng 40.000 công ty Giao nhận và Hậu cần Logistics tại 150 Quốc gia.

SOTRANS là thành viên FIATA năm 1997.



HIỆP HỘI VẬN TẢI HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ:

Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (International Air Transport Association viết tắt IATA) là một nhóm nghề nghiệp quốc tế của các hãng hàng không có trụ sở tại Montreal, Quebec, Canada (nơi ICAO ngẫu nhiên cũng đóng trụ sở, dù đây là cơ quan khác hẳn).

IATA được thành lập tháng 4 năm 1945, ở La Habana, Cuba. Đây là tổ chức kế nhiệm của Hiệp hội Vận chuyển Hàng không Quốc tế (tên tiếng Anh: International Air Traffic Association) được thành lập ở Den Haag năm 1919, năm có dịch vụ theo lịch trình quốc tế đầu tiên. Vào thời điểm thành lập, IATA có 57 thành viên từ 31 quốc gia, phần lớn ở châu Âu và Bắc Mỹ. Ngày nay, hiệp hội này có 270 thành viên từ 140 quốc gia ở khắp nơi trên thế giới.

SOTRANS là thành viên IATA năm 2004.





➤ PHẦN 2 DỊCH VỤ CỦA SOTRANS



DỊCH VỤ KHO BÃI



- 230.000 m² kho bãi trên toàn quốc.
- Hơn 45 năm kinh nghiệm.

GIAO NHẬN VẬN CHUYỂN QUỐC TẾ



- Đại lý tại hơn 100 quốc gia trên toàn thế giới.
- Có hợp đồng với hơn 40 hãng tàu, hãng hàng không.

GIAO NHẬN VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA



- 10 văn phòng trên toàn quốc.
- Đại lý hải quan mẫu đầu tiên tại Việt Nam.

KHAI THÁC CẢNG



- SOTRANS khai thác và tham gia quản lý hơn 400.000 m² cảng trên toàn quốc.

DỊCH VỤ CONTRACT LOGISTICS



- Quản lý chuỗi dịch vụ logistics trọn gói cho khách hàng thông qua năng lực hệ thống mạnh mẽ.

CÁC DỊCH VỤ CỦA SOWATCO



- Vận tải đường thủy.
- Khai thác cảng.
- Cơ khí đóng tàu.

CÁC DỊCH VỤ CỦA VIETRANSTIMEX



- Vận tải đường bộ.
- Vận tải đường sông.
- Vận tải đường biển.
- Dịch vụ 24/7.
- Vận tải đa phương thức.

- Dịch vụ hạ thủy (load-out/in).
- Dịch vụ xếp dỡ lắp đặt.
- Kinh doanh kho bãi.
- Cho thuê phương tiện thiết bị.
- Dịch vụ khác.





230.000m² KHO BÃI TRÊN TOÀN QUỐC

Với kinh nghiệm hơn 45 năm và hệ thống kho hơn 230.000m² tọa lạc tại các vị trí thuận lợi, chúng tôi cam kết cung cấp các dịch vụ thuận lợi nhất cho tất cả các loại hàng hóa trong chuỗi logistics của khách hàng.

Vị trí giao thông thuận tiện, phù hợp cho việc lưu trữ, phân phối hàng hóa, nguyên vật liệu sản xuất tại TP HCM, Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ, Bình Dương, Đồng Nai. Các tỉnh Miền Đông và Miền Tây Nam Bộ ...Đặc biệt các kho tại khu vực Thủ Đức, chúng tôi có hệ thống Cảng đường sông thuận tiên cho việc phân phối hàng đi khu vực các tỉnh bằng đường thủy cũng như lưu trữ và vận chuyển các mặt hàng đặc biệt như xi măng, sắt thép, phân bón, hàng công kênh khó vận chuyển đường bộ. Cảng đường sông còn giúp giải quyết vấn đề ách tắc giao thông đường bộ hiện nay đảm bảo hàng đến các điểm phân phối của khách hàng đúng thời hạn.

Hàng hóa được bảo hiểm an toàn, phòng cháy chữa cháy nên khách hàng có thể hoàn toàn yên tâm khi gửi hàng tại các kho hàng của SOTRANS.

CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ CHUYÊN NGHIỆP:

- Quản lý Xuất - Nhập.
- Kiểm kê.
- Phân phối.
- Xếp dỡ.
- Đóng gói bao bì.
- Quản lý hàng hóa & Báo cáo tồn kho.
- Thủ tục Hải quan.
- Kiểm đếm.
- Vận tải...

HỆ THỐNG KHO ĐA DẠNG TRÊN TOÀN QUỐC

➢ QUẬN 4:

Kho SOTRANS Bến Súc 5.000m².

➢ QUẬN 7:

Kho gần cầu Phú Mỹ: 5.000 m², 3.500 m².

➢ QUẬN 9:

- Kho SOTRANS Phước Long (gần ICD Phước Long 1): 26.000m².
- Kho SOTRANS Hiệp Phú (ngã tư Thủ Đức): 400m², 2.400m², 2.600m².
- Kho SOTRANS Ngân Thạnh - Đông Anh (gần KDL Suối Tiên): 6.000m², 3.000m², 2.500m².

45 NĂM KINH NGHIỆM TRONG NGÀNH DỊCH VỤ KHO BÃI

➢ THỦ ĐỨC:

- Kho SOTRANS Thủ Đức (Nội Địa & Kho Ngoại Quan): Mặt tiền Xa lộ Hà Nội, cạnh SOTRANS ICD, 2 x 4.500m², 1.500m², 600m², 400m², 650m².
- Kho SOTRANS Linh Xuân (KCX Linh Xuân): 2.600m². Có trạm cân điện tử 60 tấn tại SOTRANS ICD.

➢ BÌNH CHÁNH:

- Kho SOTRANS Hưng Điền: 15.000m².
- Kho SOTRANS Chợ đệm: 15.000m².

➢ BÌNH DƯƠNG:

- Kho Nội Địa & Kho Ngoại Quan (gần KCN Sóng Thần) 9.000m², 13.000m², kho mới xây dựng.

➢ ĐỒNG NAI:

- Kho SOTRANS Long Bình (Phường Long Bình): 12.000m², kho mới xây dựng năm 2014.

➢ BÀ RỊA - VŨNG TÀU:

- Kho SOTRANS Phú Mỹ với tổng diện tích 50.000m² kho bãi, khánh thành tháng 01/2017, có trạm cân điện tử 80 tấn.

➢ LONG AN:

- Kho SOTRANS Long An: 9.000m².

➢ CẦN THƠ:

- Kho SOTRANS Cần Thơ: 3.000m².

➢ HÀ NỘI:

- Kho SOTRANS Thanh Trì: 1.400m².
- Kho SOTRANS Long Biên: 2.500m².
- Kho SOTRANS Ngọc Hồi: 8.500m².

Ngoài ra chúng tôi có thể đáp ứng nhu cầu về kho cho từng địa điểm cụ thể mà khách hàng yêu cầu giúp tối ưu hóa quá trình lưu kho, vận chuyển cho khách hàng.





KHO NGOẠI QUAN TRUNG TÂM BÌNH DƯƠNG

Hệ thống Kho ngoại quan của SOTRANS phối hợp với đối tác đặt tại khu vực Bình Dương có thể đáp ứng kịp thời nhu cầu cho các khu công nghiệp lân cận và TP. HCM.

Với kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực khai báo hải quan và là đại lý hải quan mẫu đầu tiên tại Việt Nam, SOTRANS sẽ hỗ trợ tốt nhất cho khách hàng trong các thủ tục. Đội ngũ nhân viên có chứng chỉ hành nghề khai báo hải quan có thể giải quyết tất cả các công việc phát sinh liên quan đến nghiệp vụ thông quan giúp khách hàng tiết kiệm thời gian và chi phí.

CÁC ĐỐI TƯỢNG HÀNG HÓA CHỦ YẾU:

- Hàng hóa xuất khẩu đã làm xong thủ tục hải quan chờ xuất khẩu.
- Hàng hóa hết thời hạn tạm nhập phải tái xuất.
- Hàng hóa do cơ quan nhà nước có thẩm quyền buộc tái xuất khẩu.
- Hàng hóa của chủ hàng nước ngoài chưa ký hợp đồng bán hàng cho doanh nghiệp Việt Nam.
- Hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu từ nước ngoài chờ đưa vào thị trường trong nước, chưa phải nộp thuế nhập khẩu.

- Hàng hóa từ nước ngoài quá cảnh, lưu kho tại Việt Nam để chờ xuất khẩu sang nước thứ ba.

LỢI ÍCH CHO KHÁCH HÀNG:

- Tư vấn miễn phí về dịch vụ logistics và phương án phục vụ cho từng lô hàng, từng khách hàng.
- Cung cấp dịch vụ chuỗi logistics trọn gói từ lưu kho, giao nhận, vận chuyển, khai báo hải quan, giúp khách hàng tiết kiệm thời gian và giảm chi phí.
- Cung cấp dịch vụ logistics với chất lượng chuẩn mực quốc tế.



TỔNG DIỆN TÍCH
22.000 m²

Kho SOTRANS Long Bình nằm trong Khu công nghiệp Kinh tế Quốc Phòng Long Bình, Phường Long Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, có vị trí chiến lược tiếp giáp với các Khu công nghiệp lớn như Amata, Biên Hòa 1, Biên Hòa 2, Loteco Long Thành..., gần Quốc lộ 51 thuận tiện vận chuyển hàng hóa đi TP.HCM, Long Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu, cụm cảng nước sâu Cái Mép - Thị Vải. Kho SOTRANS Long Bình có một vị trí thuận lợi cho việc lưu trữ và phân phối hàng hóa của quý khách hàng.

TỔNG DIỆN TÍCH KHU VỰC: 22.000 m².

TỔNG DIỆN TÍCH KHO HÀNG: 12.000m², với 2 nhà kho, mỗi nhà kho 6.000m².

- Hệ thống xe nâng hàng giúp nâng hạ hàng hóa thuận lợi.
- Trạm cân tải trọng lớn, giúp kiểm soát tải trọng xe.
- Hệ thống giao thông khu vực kho đảm bảo cho các xe tải trọng lớn ra vào kho dễ dàng.

DỊCH VỤ TẠI KHO SOTRANS LONG BÌNH:

- Cho thuê kho chứa hàng hóa các loại.
- Cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp:
- Đóng gói bao bì.
- Xếp dỡ hàng hóa. Quản lý hàng hóa.
- Kiểm đếm.
- Thủ tục hải quan.
- Vận tải.
- Cân điện tử.

VỊ TRÍ KHO SOTRANS LONG BÌNH

Đường Phan Đăng Lưu, Phường Long Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.





50.000 m²

KHU VỰC TRUNG TÂM CẢNG BIỂN PHÍA NAM

TỔNG DIỆN TÍCH: 50.000 m².

DIỆN TÍCH CÂY XANH: 20%.

DIỆN TÍCH KHO HÀNG: 30.000 m².

HỆ THỐNG PCCC: 2 hệ thống.

› Kho hàng xá: 20.000 m².

› Kho hàng bách hóa: 10.000 m².

TRẠM CÂN ĐIỆN TỬ: 80 tấn.

DE DÀNG KẾT NỐI VỚI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP:

- › Kho SOTRANS Phú Mỹ đặt tại vị trí trung tâm nên dễ dàng kết nối đến các KCN qua đường nội bộ và Quốc lộ 51.
- › Đối với khu vực Cảng Phú Mỹ, Cảng Cái Mép xe di chuyển trong đường nội bộ.
- › Trung tâm hệ thống Cảng biển số 5.
- › Trung tâm Logistics của khu vực.

PHÁP LÝ RÕ RÀNG:

- › SOTRANS là chủ đầu tư duy nhất hệ thống kho SOTRANS Phú Mỹ.
- › Dự án được Ban quản lý các KCN Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận đầu tư ngày 19/01/2016.
- › Thời gian hoạt động của dự án là 32 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư.

VỊ TRÍ CHIẾN LƯỢC:

Ngay khu vực trung tâm cảng biển phía Nam (Cái Mép - Thị Vải).

Kết nối giao thông đường bộ qua QL 51 đến đường cao tốc, đường biển qua hệ thống cảng hiện đại nhất Việt Nam.

Trong khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thuận tiện lưu trữ và chu chuyển hàng hóa.

KHOẢNG CÁCH GẦN TUYỆT ĐỐI ĐẾN CÁC CẢNG:

- › Cảng Phú Mỹ: 2.0 km.
- › Cảng SP-PSA: 2.5 km.
- › Cảng Interflour: 4.0 km.
- › Cảng TCIT: 4.2 km.
- › Cảng CMIT: 4.5 km.
- › Sân bay Long Thành: 40 km.



ĐA DẠNG CHủng LOẠI VÀ DIỆN TÍCH !

› KHO HÀNG XÁ: 20.000 m².

Có thể chia nhỏ ra các diện tích từ 2.000 m² cho đến 12.000 m².

Thuận tiện lưu trữ các mặt hàng: Phân bón, thức ăn gia súc, nguyên liệu...

› KHO HÀNG BÁCH HÓA: 10.000 m².

Thuận tiện cho các mặt hàng bách hóa, hàng rời đáp ứng cho nhu cầu sản xuất của các nhà máy...

› BÃI CHỨA HÀNG:

Rộng rãi, phù hợp các mặt hàng siêu trường, siêu trọng, chống mưa, nắng...

SOTRANS với hơn 40 năm kinh nghiệm trong hoạt động khai thác kho hàng đảm bảo phục vụ khách hàng với chất lượng cao nhất.

VỊ TRÍ KHO SOTRANS PHÚ MỸ

Đường 2A, Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Long Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.



HẠ TẦNG CÔNG NGHIỆP HOÀN CHỈNH !

› ĐƯỜNG GIAO THÔNG:

Đường trung tâm (lộ giới 46m): tổng chiều dài 1.500m.

› ĐIỆN - NƯỚC:

Công suất điện toàn KCN là 2-40 MVA và 2-63 MVA. Sử dụng nguồn nước ngầm Mỹ Xuân và Phú Mỹ với tổng công suất là 40.000m³/ngày đêm.

› THÔNG TIN LIÊN LẠC:

Có hệ thống thông tin liên lạc đầy đủ.

› XỬ LÝ RÁC THẢI - NƯỚC THẢI:

Khu chứa rác tập trung rộng 7 ha. Trạm xử lý nước thải tập trung có công suất 2.500 m³/ngày đêm.

› PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY:

Có trạm phòng cháy chữa cháy chung cho toàn KCN. Riêng Kho SOTRANS Phú Mỹ có 2 hệ thống PCCC.

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ CÁC DỊCH VỤ CHUYÊN NGHIỆP !

- › Lưu trữ, bảo quản hàng hóa.
- › Đóng gói bao bì.
- › Xếp dỡ.
- › Quản lý hàng hóa.
- › Kiểm đếm.
- › Thủ tục hải quan.
- › Vận tải.
- › Cân điện tử.





ĐẠI LÝ TẠI HƠN 100 QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

Với hệ thống đại lý mạnh trên những khu vực cảng lớn của thế giới, những hợp đồng ký kết với các hãng tàu uy tín, SOTRANS cung cấp các dịch vụ vận tải đường biển với mức giá cạnh tranh. Dịch vụ của SOTRANS hạn chế tối đa việc rút hàng ở cảng đi và các cảng chuyển tải, đáp ứng đầy đủ nhu cầu vận chuyển hàng hóa đến được các cảng trong nội địa bằng xe tải.

SOTRANS có hợp đồng với hầu hết các hãng tàu lớn trên thế giới như: CMA - CGM, APL, NYK, Hyundai, MSC, MOL, Hapag- Lloyd, Evergreen... cùng hệ thống đại lý tại hơn 100 quốc gia trên toàn thế giới.

CÁC DỊCH VỤ CHỦ YẾU:

- ▶ Cung cấp cho khách hàng dịch vụ gửi hàng xuất khẩu và nhập khẩu bằng đường biển từ Việt Nam đi mọi nơi trên thế giới và ngược lại.
- ▶ Các thị trường mạnh bao gồm: USA, EUs, JAPAN, ASIA.
- ▶ Chất lượng dịch vụ được bảo đảm bởi các tuyến đi thẳng thông qua mạng lưới đại lý lâu năm và có uy tín.
- ▶ Giá cạnh tranh và thời gian chuyển tải nhanh nhất, luôn gắn với bảo hiểm trách nhiệm người vận tải.
- ▶ Dịch vụ hàng nguyên Container với giá cạnh tranh và có hỗ trợ phí lưu kho.
- ▶ Dịch vụ giao nhận hàng tận nơi (door to door services).
- ▶ Môi giới bảo hiểm hàng hóa.
- ▶ Dịch vụ hàng Công trình và Triển lãm tại Việt Nam và các nước khu vực như: LAO, CAMBODIA (Project & Exhibition).

LỢI ÍCH CHO KHÁCH HÀNG:

- ▶ Tư vấn miễn phí về dịch vụ logistics và phương án vận chuyển cho từng lô hàng, từng khách hàng.
- ▶ Cung cấp dịch vụ vận chuyển đa phương thức và các dịch vụ đi kèm trong chuỗi logistics như lưu kho, giao nhận, vận chuyển, khai báo hải quan giúp khách hàng tiết kiệm thời gian và giảm chi phí.
- ▶ Dịch vụ logistics với chất lượng chuẩn mực quốc tế.

ĐIỂM MẠNH:

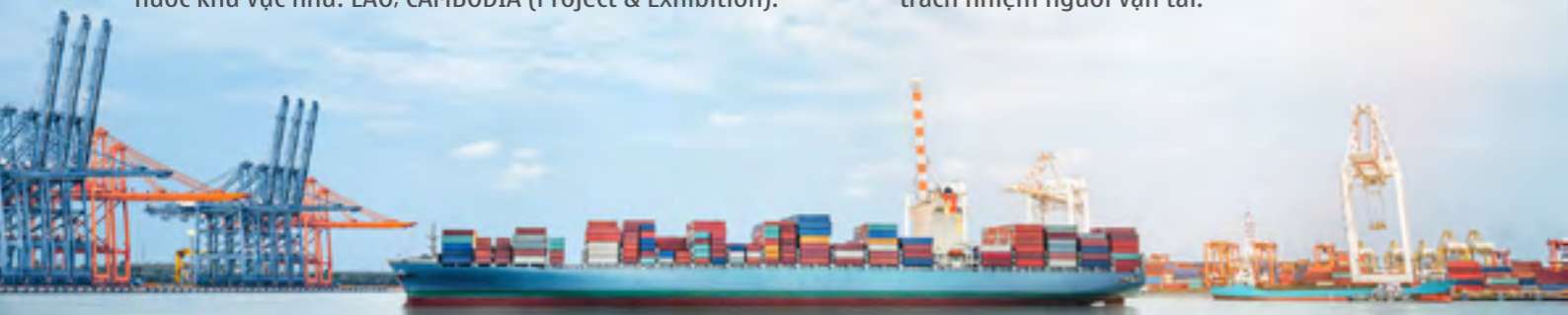
- ▶ Các thị trường mạnh bao gồm: Trung Quốc, Đông Nam Á, Ấn Độ, Hàn Quốc, Châu Âu, Mỹ và Canada.
- ▶ Giá cạnh tranh và thời gian vận chuyển phù hợp với nhu cầu khách hàng, luôn gắn với bảo hiểm trách nhiệm người vận tải.

Top 2 VỀ VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG CỦA VIETNAM AIRLINES

SOTRANS cung cấp dịch vụ với lịch trình đảm bảo và giá cước phù hợp, đúng theo yêu cầu riêng của từng khách hàng. Với đội ngũ nhân viên dịch vụ khách hàng chuyên nghiệp và nhiều kinh nghiệm trong việc xử lý nhanh các tình huống phát sinh trong vận tải hàng không, khả năng giữ chỗ ngay cả trong những mùa cao điểm.

CÁC DỊCH VỤ CUNG CẤP:

- ▶ Đại lý bán cước và hợp đồng vận chuyển với nhiều hãng hàng không lớn trên thế giới với tần suất bay cao, tải trọng lớn và bay đến hầu hết mọi nơi trên thế giới như các hãng hàng không: Singapore Airlines, Thai Airways, Malaysia Airlines, Japan Airlines, China Airlines, Eva Air, Korean Airlines, Asiana Airlines, United Airlines, Lufthansa Airlines, Air France, Cargolux, Vietnam Airlines....
- ▶ Để khách hàng có nhiều sự lựa chọn, ngoài cách thức vận chuyển hàng hóa thông thường bằng đường hàng không, SOTRANS thực hiện dịch vụ vận chuyển đa phương thức kết hợp đường biển với đường hàng không, đường hàng không với đường hàng không, trung chuyển qua Singapore và Dubai; giúp khách hàng vừa tiết giảm chi phí vừa có được dịch vụ vận chuyển nhanh nhất, hiệu quả nhất.
- ▶ Về giao nhận, chúng tôi đảm nhận các dịch vụ đa dạng từ kho chủ hàng cho đến sân bay hoặc kho của người nhận (airport-airport, door-airport, airport-door, door-door).



KẾT HỢP NHUẬN NHUYỄN NHIỀU PHƯƠNG THỨC VẬN CHUYỂN

Vận chuyển đa phương thức (Multimodal transport) quốc tế hay còn gọi là vận tải liên hợp (Combined transport) là phương thức vận tải hàng hóa bằng ít nhất hai phương thức vận tải khác nhau trở lên, trên cơ sở một hợp đồng vận tải đa phương thức từ một điểm ở một nước tới một điểm chỉ định ở một nước khác để giao hàng.

Dịch vụ vận tải đa phương thức kết hợp giữa các phương thức vận tải như đường biển - hàng không, hàng không - xe lửa - đường bộ... hay kết hợp của tất cả các phương thức này một cách thích hợp sao cho vừa bảo đảm thời gian vận chuyển nhanh vừa tiết kiệm được tối đa cước phí.

Với hệ thống đại lý toàn cầu trên 100 quốc gia, SOTRANS có đủ năng lực đáp ứng nhu cầu vận chuyển tận nơi (Door to door) thông qua việc phối hợp nhiều hình thức vận tải khác nhau.

Kinh nghiệm và sự kết nối nhuần nhuyễn các phương

thức vận tải, kết hợp với khả năng đáp ứng vận chuyển nội bộ uy tín, chúng tôi đã thực hiện những lô hàng, dự án với đòi hỏi khắt khe của nhiều công ty đa quốc gia.

CÁC DỊCH VỤ CUNG CẤP:

- > Dịch vụ gửi hàng xuất khẩu và nhập khẩu bằng đường biển và vận tải đa phương thức từ Việt Nam đi mọi nơi trên thế giới và ngược lại.
- > Dịch vụ vận chuyển hàng nguyên Container và hàng lẻ với giá cạnh tranh và có hỗ trợ phí lưu kho.
- > Dịch vụ giao nhận hàng tận nơi (door to door services).
- > Môi giới bảo hiểm hàng hóa.
- > Dịch vụ vận chuyển hàng Công trình và Triển lãm tại Việt Nam và các nước khu vực như: Lào, Campuchia (Project & Exhibition).

TIẾT KIỆM THỜI GIAN VÀ CHI PHÍ NHỜ GIẤY PHÉP LIÊN VẬN, NHIỀU PHƯƠNG THỨC VẬN CHUYỂN

Vận tải đường bộ xuyên biên giới có thể giúp các doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa nhanh hơn đường biển, và tiết kiệm chi phí hơn so với đường hàng không.

Nắm bắt nhu cầu của các doanh nghiệp SOTRANS đã phát triển dịch vụ vận chuyển xuyên biên giới từ Việt Nam đến Lào, Campuchia và có thể kết hợp đến Thái Lan.

Kết hợp với dịch vụ thông quan chuyên nghiệp của SOTRANS, việc giao nhận tại các cửa khẩu sẽ nhanh chóng và thuận tiện cho khách hàng.

LỢI ÍCH CHO KHÁCH HÀNG:

- > Tư vấn miễn phí về dịch vụ logistics và phương án vận chuyển cho từng lô hàng, từng khách hàng.
- > Có giấy phép vận chuyển đa phương thức quốc tế và giấy phép liên vận cho đoàn xe.

- > Giá cả cạnh tranh, rút ngắn thời gian vận chuyển.

DỊCH VỤ CỦA SOTRANS:

- > Vận chuyển bằng đường bộ đi Lào và Campuchia.
- > Kết hợp khai báo hải quan cho khách hàng.
- > Giao nhận hàng tận nơi.

ĐIỂM MẠNH:

- > Đội xe 120 chiếc đặt tại các khu vực: TP. HCM, Bình Dương, Đà Nẵng, Hà Tĩnh, Hải Phòng.
- > Có giấy phép vận chuyển xuyên biên giới Lào và Campuchia.
- > Có hệ thống đại lý chuyên nghiệp tại Lào và Campuchia.





HÀNG TRĂM ĐIỂM ĐẾN TRÊN TOÀN THẾ GIỚI

Quý khách hàng hoàn toàn yên tâm giao phó trách nhiệm, tài sản, gửi hàng xuất khẩu, nhận hàng nhập khẩu đi / đến từ bất cứ địa điểm nào và không phụ thuộc vào số lượng hàng nhiều hay ít.

Chỉ với một phân hàng lẻ, 1/2m³ hàng hóa của Quý khách hàng là chúng tôi đã đáp ứng và nhận chuyển đi đúng địa chỉ yêu cầu bằng container an toàn, nhanh chóng, tiết kiệm cước phí theo tuyến đường và lịch vận chuyển ổn định đều đặn hàng tuần.

DỊCH VỤ GOM HÀNG CỦA SOTRANS:

- ▶ Khách hàng có thể gửi từ 01 kiện cho đến nhiều kiện hàng đến bất cứ nơi đâu với dịch vụ gom hàng lẻ của SOTRANS.
- ▶ Container được mở hàng tuần và thông báo cho khách hàng lịch tàu chi tiết.
- ▶ Thủ tục gửi hàng đơn giản, nhanh chóng.
- ▶ Đóng gói cẩn thận.

CHỌN DỊCH VỤ GOM HÀNG CỦA SOTRANS:

- ▶ Hàng trăm điểm đến trên toàn thế giới.
- ▶ Phục vụ chuyên nghiệp, tư vấn miễn phí lộ trình.
- ▶ Thông tin chính xác thời gian hàng đến, kiểm tra lộ trình trực tiếp.
- ▶ Hệ thống đại lý có uy tín và năng lực làm hàng lẻ.
- ▶ Giá cả cạnh tranh, một số tuyến có refund cho khách hàng.



450.000

teus năng lực thông quan qua cảng mỗi năm
teus capacity through port per year

6.000 teus GIAO NHẬN MỖI THÁNG

Với kinh nghiệm hơn 45 năm trong ngành giao nhận và kinh doanh kho bãi, SOTRANS có thể nắm bắt và thực hiện hiệu quả mọi nhu cầu về vận chuyển và giao nhận của khách hàng từ những lô hàng siêu trường siêu trọng cho các dự án lớn cho đến các món hàng nhỏ vận chuyển qua cửa khẩu sân bay. Thế mạnh trong dịch vụ logistics của SOTRANS là sự kết hợp nhuần nhuyễn tất cả các khâu trong quá trình vận chuyển và đảm bảo khai quan đúng hạn, tiết kiệm thời gian và chi phí cho khách hàng. Rất nhiều công ty đa quốc gia như Pepsi, P&G, Uni President, Colgate Palmolive, Friesland Campina, Texhong... đã tin tưởng và giao cho SOTRANS đảm nhận công tác giao nhận hàng hóa theo yêu cầu an toàn và đúng hạn.

SOTRANS cung cấp chuỗi dịch vụ logistics từ khâu nhận hàng, tổ chức đóng gói, lưu kho, thuê phương tiện vận tải, thủ tục hải quan... và giao hàng đến điểm cuối (thường là kho, nhà máy hoặc công trường) theo chỉ định của chủ hàng, được khách hàng lựa chọn. Với phương châm "Tiết kiệm tối đa thời gian và chi phí cho khách hàng" giúp cho dịch vụ của SOTRANS luôn đi đầu và mang đến hiệu quả cao cho khách hàng.

CÁC DỊCH VỤ CHUỖI LOGISTICS CỦA SOTRANS GỒM:

- > Chứng từ, bảo hiểm, giám định.
- > Xếp dỡ hàng.
- > Vận chuyển nội địa.
- > Kiểm đếm.
- > Đóng gói, nhãn hàng.
- > Lưu kho.
- > Phân phối.
- > Dịch vụ giao hàng tận nơi.

SOTRANS hiện đang phát triển hoạt động ICD tại khu vực trung tâm Logistics Thủ Đức, TP.HCM giúp hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ cho khách hàng.

ĐIỂM MẠNH:

- > Đội xe hơn 10 xe tải nhỏ và 120 chiếc container đặt tại các khu vực: TP. HCM, Bình Dương, Đà Nẵng, Hà Tĩnh, Hải Phòng.
- > Có giấy phép vận chuyển xuyên biên giới Lào và Campuchia.
- > Sản lượng vận chuyển hơn 6.000 teus mỗi tháng.

ĐẠI LÝ HẢI QUAN MẪU ĐẦU TIÊN TẠI VIỆT NAM

Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và kinh nghiệm của SOTRANS thay mặt chủ hàng hoàn thành thủ tục hải quan một cách nhanh chóng và hiệu quả nhất. SOTRANS được phép của hải quan, ký tên trên tờ khai xuất, nhập khẩu để khai báo hải quan. Điều này giảm được thời gian đi lại để lấy chữ ký từ phía chủ hàng đồng thời khẳng định được trách nhiệm và chất lượng dịch vụ khai thuế hải quan của SOTRANS.

- > Đại lý hải quan mẫu đầu tiên tại Việt Nam (được phép thay mặt chủ hàng ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan).
- > Khai quan điện tử, khai hải quan từ xa.
- > Sử dụng các phần mềm khai báo hải quan chuyên dụng.
- > Đáp ứng mọi nhu cầu về khai quan cho khách hàng.

CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN:

- > Giải thích về những quy định và thủ tục.
- > Xác định biểu thuế suất của hàng hóa.
- > Bổ sung những điều khoản ưu đãi về hệ thống thuế cho phù hợp.
- > Khai báo hải quan tại chỗ cho những kiện hàng riêng lẻ.
- > Các thông tin khác theo yêu cầu của khách hàng.

Chúng tôi có dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng tận nơi để hỗ trợ khách hàng sau khi hoàn tất thủ tục khai quan giúp khách hàng nhanh chóng giải phóng hàng và phân phối kịp thời trong hệ thống phân phối hoặc xuất khẩu đi nước ngoài.



45 NĂM KINH NGHIỆM TRONG NGÀNH GIAO NHẬN VÀ KINH DOANH KHO BÃI

SOTRANS cung cấp dịch vụ vận chuyển bằng đường bộ đặc biệt là tuyến vận chuyển Bắc Nam với dịch vụ trọn gói door to door theo yêu cầu của khách hàng. SOTRANS có bảo hiểm trách nhiệm của người vận chuyển nên khách hàng hoàn toàn yên tâm với dịch vụ của SOTRANS.

Với kinh nghiệm 45 năm trong ngành giao nhận và kinh doanh kho bãi, SOTRANS có thể nắm bắt và thực hiện hiệu quả mọi nhu cầu về vận chuyển và giao nhận của khách hàng từ những lô hàng siêu trường siêu trọng cho các dự án lớn cho đến các các món hàng nhỏ vận chuyển qua cửa khẩu sân bay. Thế mạnh trong dịch vụ logistics của SOTRANS là sự kết hợp nhuần nhuyễn tất cả các khâu trong quá trình vận chuyển và đảm bảo khai quan đúng hạn, tiết kiệm thời gian và chi phí cho khách hàng. Rất nhiều công ty đa quốc gia như Pepsi, P&G, Uni President, Colgate Palmolive, Friesland Campina, Texhong... đã tin tưởng và giao cho SOTRANS đảm nhận công tác giao nhận hàng hóa theo yêu cầu an toàn và đúng hạn.

SOTRANS cung cấp chuỗi dịch vụ logistics từ khâu nhận hàng, tổ chức đóng gói, lưu kho, thuê phương tiện vận tải, thủ tục hải quan... và giao hàng đến điểm cuối (thường là kho, nhà máy hoặc công trường) theo chỉ định của chủ hàng, được khách hàng lựa chọn. Với phương châm "Tiết kiệm tối đa thời gian và chi phí cho khách hàng" giúp cho dịch vụ của SOTRANS luôn đi đầu và mang đến hiệu quả cao cho khách hàng.

CÁC DỊCH VỤ CHUỖI LOGISTICS CỦA SOTRANS GỒM:

- > Chứng từ, bảo hiểm, giám định.
- > Xếp dỡ hàng.
- > Vận chuyển nội địa.
- > Kiểm đếm.
- > Đóng gói, nhãn hàng.
- > Lưu kho.
- > Phân phối.
- > Dịch vụ giao hàng tận nơi.

SOTRANS hiện đang phát triển hoạt động ICD tại khu vực trung tâm Logistics Thủ Đức, TP. HCM giúp hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ cho khách hàng.

ĐIỂM MẠNH:

- > Đội xe hơn 10 xe tải nhỏ và 120 chiếc container đặt tại các khu vực: TP. HCM, Bình Dương, Đà Nẵng, Hà Tĩnh, Hải Phòng.
- > Có giấy phép vận chuyển xuyên biên giới Lào và Campuchia.
- > Sản lượng vận chuyển hơn 6.000 teus mỗi tháng.

SOTRANS đang phát triển tuyến vận chuyển nội địa bằng đường thủy với dịch vụ đa dạng bao gồm vận chuyển đường thủy Bắc Nam và ngược lại, vận chuyển door to door với việc chuyển tải bằng xe container chuyên nghiệp. Đơn vị trong cùng group SOTRANS là SOWATCO đã có kinh nghiệm hơn 40 năm trong ngành dịch vụ logistics kết hợp với năng lực vận chuyển mạnh mẽ, khách hàng hoàn toàn yên tâm khi SOTRANS quản lý hàng hóa từ nhà máy đến điểm đích một cách nhanh chóng và hiệu quả về chi phí.

Mặt khác thông qua SOWATCO (đơn vị thành viên của SOTRANS), SOTRANS triển khai hoạt động vận chuyển đường thủy mạnh mẽ tại khu vực phía Nam.

SOWATCO là đơn vị dẫn đầu trong các tuyến đường thủy nội địa tại khu vực TP Hồ Chí Minh và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long về vận chuyển container và hàng rời.

Đội sà lan tự hành 20 chiếc từ 90 teus - 250 teus vận chuyển container chuyên tuyến Cảng VICT đi các depot, ICD ở Thủ Đức và ngược lại như: ICD SOTRANS, ICD Transimex, ICD Phước Long...đảm bảo thông thương hàng hóa cho khu vực TP. HCM và các tỉnh Miền Tây.

Trong hoạt động lai dắt tàu biển, SOWATCO sở hữu năng lực mạnh mẽ với đội tàu chuyên dùng lai dắt và hỗ trợ tàu biển công suất từ 560 CV - 4.000 CV, chuyên lai dắt hỗ trợ tàu biển tại cảng VICT, các cảng và phao neo tàu biển khu vực TP. HCM.

ƯU ĐIỂM VÀ MỘT SỐ THẾ MẠNH VỀ DỊCH VỤ:

- > Với hệ thống Cảng - Bến và sông- kênh tại khu vực phía Nam xu hướng vận chuyển container bằng đường thủy nội địa ngày càng tăng và những ưu điểm của loại hình vận tải thủy nội địa luôn phát huy so với các loại hình vận tải khác như đường bộ - đường hàng không và đường sắt.
- > Vận tải thủy nội địa đã đáp ứng một khối lượng lớn hàng hóa vận chuyển cho tuyến vận chuyển nội địa và trung chuyển hàng hóa XNK từ các ICD, Khu Công nghiệp trên địa bàn kinh tế trọng điểm bến thủy nội địa để tập kết ra các cảng biển và ngược lại, đặc biệt là tuyến vận chuyển hàng hóa đi Cái Mép - Thị Vải và Campuchia.
- > Đội tàu với trọng tải và công suất lớn, đội ngũ Thuyền - Máy Trưởng có tay nghề cao, ổn định và có khả năng cạnh tranh trong điều kiện hiện nay.
- > Kết nối các phương thức vận chuyển thủy nội địa với các phương thức vận chuyển khác như đường bộ, đường sắt...với các công ty kinh doanh trong lĩnh vực Logistics.
- > Thực hiện các dịch vụ hỗ trợ hàng hải như lai dắt tàu biển tại các Cảng và hệ thống Phao neo tại Cái Lái và Thiêng Liếng của SOWATCO, buộc mở dây tàu biển.
- > Thực hiện các dịch vụ về container trong Cảng như kiểm đếm, đóng rút ruột container tại bãi và kho trong Cảng, xếp dỡ và vận chuyển container từ cầu cầu tàu vào bãi thông qua 10 xe đầu kéo container của SOWATCO.



TOP 1 ĐÔNG NAM Á VỀ VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG

SOTRANS vận chuyển và lắp đặt một cách an toàn, thuận lợi dù đó là hàng quá khổ hay toàn bộ hệ thống thiết bị để xây dựng nhà xưởng. Với đội ngũ chuyên nghiệp, nhiều kinh nghiệm và nhiệt tình, chúng tôi sẽ vận chuyển tất cả các loại máy móc, thiết bị đến nơi đâu bạn yêu cầu.

VIETRANSTIMEX (Thành viên của SOTRANS) là đơn vị Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng Top 1 Đông nam Á và Top 50 thế giới.

CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU:

▶ Thủy điện Bàn Chát - Sơn La.

Hơn 200 tấn thiết bị của nhà máy Thủy Điện Bàn Chát đã được SOTRANS vận chuyển door to door từ TP.HCM ra Sơn La bằng tàu biển và ô tô an toàn và đúng tiến độ.

▶ Tòa nhà VINCOM.

SOTRANS vận chuyển toàn bộ trang thiết bị cho công trình xây dựng tại khu tứ giác EDEN bao gồm các trục đường: Lý Tự Trọng - Lê Thánh Tôn - Hai Bà Trưng - Đồng Khởi, Quận 1, TP. HCM.

▶ Dự án BOT cung cấp nước sạch ở Phan Rang.

SOTRANS vận chuyển đường ống của dự án cung cấp nước sạch ở Phan Rang dài 30km.

▶ Dự án Nhà máy điện Hiệp Phước.

SOTRANS vận chuyển Tua-bin có trọng lượng 80 tấn an toàn và đúng tiến độ, đảm bảo cho hoạt động lắp máy.

▶ Cao ốc Sagon M&C.

Cao ốc 37 tầng, tòa nhà cao thứ hai ở TPHCM, SOTRANS thực hiện vận chuyển trang thiết bị vật tư xây dựng cho nhà thầu BOUYGES (Pháp).

▶ Thủy điện Yaly.

SOTRANS vận chuyển các trang thiết bị cho Nhà máy thủy điện Yaly.

▶ Nhà máy Bì Việt Nam.

SOTRANS vận chuyển các bồn ủ cho Công ty liên doanh Nhà máy bì Việt Nam.

▶ Dự án toà nhà Quốc hội.

SOTRANS vận chuyển các trang thiết bị xây dựng và hoàn thiện tòa nhà.

Các dự án tiêu biểu do Vietranstimex (Thành viên của SOTRANS) thực hiện:

▶ Nhà máy thủy điện Yaly, Tây Nguyên, 50.000 FT, 1992 - 2000.

▶ Nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2, Tỉnh Hải Dương, 200.000 FT, 1997 - 2004.

▶ Tổ hợp khu Khí điện đạm Phú Mỹ (NM Nhiệt điện Phú Mỹ 1, 2, 3 và 4); NM Phân đạm Phú Mỹ, Tỉnh BR-VT, 300.000 FT, 1999 - 2004.

▶ Hạ thủy kiện Living Quarter của dự án Rạng Đông nặng 1.500 tấn, Thành phố Vũng Tàu, 2003.

▶ Nhà máy thủy điện Sơn La, Tỉnh Sơn La, 100.000 FT, 2007 - 2011.

▶ Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Tỉnh Quảng Ngãi, 2007 - 2008.

▶ Vận chuyển, hạ thủy cần cầu giàn nặng 450 tấn tại Tân Cảng Sài Gòn, Thành phố Vũng Tàu, 2009.

▶ NM Nhiệt điện Mông Dương II, Tỉnh Quảng Ninh, 50.000 FT, 2012 - 2013.

▶ Khu liên hợp LHD Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa, 1.650.000 FT, 2014 - 2016.

▶ Hạ thủy kiện Module 2 Topside nặng 3.000 tấn, Thành phố Vũng Tàu, 2016.

HÌNH ẢNH MỘT SỐ TRANG THIẾT BỊ CỦA VIETRANSTIMEX:



CHUYÊN GIA VỀ VẬN CHUYỂN HÀNG XÁ, HÀNG RỜI

Đối với các hàng hoá được vận chuyển xá (chứa trong hầm tàu) như xi măng, phân bón, thức ăn gia súc... SOTRANS là những nhà chuyên nghiệp cung cấp giải pháp chuyển cung ứng các dịch vụ từ cảng đến người tiêu dùng cuối cùng như đóng gói, cân, kiểm đếm, giám định, vận tải, giao nhận...

Dịch vụ của SOTRANS đảm bảo bốc hàng đúng lịch trình, giải phóng tàu nhanh giúp khách hàng tiết kiệm được chi phí. Ngoài ra chúng tôi còn có nhiều giải pháp hỗ trợ khách hàng trong những mùa cao điểm khi tàu hàng phải chờ lâu, gây phát sinh chi phí.

Với kinh nghiệm lâu năm trong ngành kết hợp với sự năng động và hiểu biết sâu về tiến trình công việc, đội ngũ giao nhận của SOTRANS có thể giải quyết mọi vấn đề phát sinh, đảm bảo chất lượng hàng khi vận chuyển và hạn chế tối đa hao hụt trong khâu đóng rút bằng các giải pháp chuyển cung ứng chuyên nghiệp. Khách hàng sẽ hoàn toàn yên tâm khi chúng tôi chăm sóc hàng hóa như chính hàng hóa của chúng tôi.

CÁC MẶT HÀNG TRUYỀN THỐNG ĐÃ ĐƯỢC SOTRANS VẬN CHUYỂN TRONG NHIỀU NĂM QUA:

- > Xi măng.
- > Cà phê.
- > Gạo, nông sản.
- > Phân bón.
- > Đường.
- > Bột mì ...

ĐIỂM MẠNH:

- > Kinh nghiệm nhiều năm trong vận chuyển hàng xá, hàng rời.
- > Có hệ thống Cảng thuận tiện bốc dỡ hàng hóa.
- > Hệ thống kho hàng rộng khắp có thể tiếp nhận ngay hàng xá từ cảng vào.

ĐỘI XE PHÂN PHỐI ĐA DẠNG TẢI TRỌNG

SOTRANS cung cấp dịch vụ vận chuyển phân phối bằng đường bộ với đội xe vận chuyển hơn 10 chiếc xe tải nhỏ, tải trọng đa dạng với dịch vụ trọn gói door to door theo yêu cầu của khách hàng. Với những lô hàng lớn hơn SOTRANS đã có đội xe container trên 120 chiếc đảm nhận.

LỢI ÍCH CHO KHÁCH HÀNG:

- > Tư vấn miễn phí về dịch vụ logistics và phương án phục vụ cho từng lô hàng, từng khách hàng.
- > Cung cấp dịch vụ chuỗi logistics trọn gói từ lưu kho, giao nhận, vận chuyển, phân phối giúp khách hàng tiết kiệm thời gian và giảm chi phí.
- > Cung cấp dịch vụ logistics với chất lượng chuẩn mực quốc tế.

DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN PHÂN PHỐI HÀNG HÓA:

- > Vận chuyển hàng hóa bằng xe tải nhỏ phân phối đến các đại lý, trung tâm bán hàng hoặc người tiêu dùng.
- > Bốc xếp hàng hóa, kiểm đếm số lượng.
- > Giao nhận vận tải hàng tận nơi.

ĐIỂM MẠNH:

- > Đội xe hơn 10 xe tải nhỏ và 120 chiếc container đặt tại các khu vực: TP. HCM, Bình Dương, Đà Nẵng, Hà Tĩnh, Hải Phòng.
- > Có giấy phép vận chuyển xuyên biên giới Lào và Campuchia.
- > Sản lượng vận chuyển hơn 6.000 teus mỗi tháng.



VỊ TRÍ CHIẾN LƯỢC TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Cảng SOTRANS ICD chính thức đi vào hoạt động vào năm 2010. Vị trí cảng thuận lợi, dây chuyền công nghệ cao, dịch vụ trọn gói đảm bảo đáp ứng hoàn chỉnh nhu cầu vận chuyển cho các Chủ tàu, các Cảng, các công ty xuất nhập khẩu, các công ty Thương mại và dịch vụ...

- Diện tích: 10 ha (100.000 m²).
- Thời gian triển khai: 04/2010.

VỊ TRÍ CẢNG SOTRANS ICD

Km 09 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thủ Đức, TP. HCM.



CÁC DỊCH VỤ TẠI SOTRANS ICD:

- Điểm thông quan nội địa.
- Nâng, hạ container.
- Đóng rút hàng tại bãi.
- Bãi chứa container có hàng, rỗng và lạnh.
- Dịch vụ xếp dỡ container.
- Vận chuyển hàng công trình, siêu trường, siêu trọng.
- Lắp đặt thiết bị.
- Thủ tục hải quan.
- Kho đóng hàng lẻ.
- Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Làm bao bì, đóng gói chân không và kê ký mã hiệu hàng hóa.
- Sửa chữa và vệ sinh container.
- Vận chuyển hàng nội địa.
- Hoạt động liên tục 24 giờ/ 7 ngày.

SOTRANS ICD – ĐIỂM TIẾP NỐI VỚI CÁC TRUNG TÂM KINH TẾ LỚN !

- Cách Trung tâm thành phố: 9 km.
- Cách thành phố Vũng Tàu: 110 km.
- Cách tỉnh Bình Dương: 15 km.
- Cách thành phố Biên Hòa: 12 km.
- Cách Long An: 40 km.

SOTRANS ICD có vị trí chiến lược khi đặt tại trung tâm công nghiệp và có cự ly gần kề với các khu công nghiệp quan trọng.



SOTRANS ICD – VỊ TRÍ THUẬN LỢI CHO NGÀNH LOGISTICS !

- Cách Cảng Sài Gòn: 10 km.
- Cách Tân Cảng Cát Lái: 8 km.
- Cách Cảng SPCT: 20 km.
- Cách Hệ thống Cảng Cái Mép: 80 km.
- Cách Cảng VICT: 10 km.
- Cách Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất: 18 km.
- Cách Cảng Bến Nghé: 13 km.

SOTRANS ICD có vị trí chiến lược, liên thông với các Cảng và Sân bay giúp quy trình logistics vận hành hiệu quả hơn.



GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG THỦY THUẬN LỢI.

- Mặt tiền quốc lộ 1, Xa lộ Hà Nội giao nhau với đường Xuyên Á tại Ngã Ba Đại Hàn với cự ly khoảng 5 km.
- Bờ sông với chiều rộng 80m, cầu cảng dài 412m thông suốt sông Sài Gòn dẫn ra sông Soài Rạp, sông Lòng Tàu, sông Cái Mép - Thị Vải.
- Đường bộ đi các Cảng: thuận tiện giao thông.
- Đường thủy đi các Cảng (tính theo thời gian sà lan đi):
 - Cảng Sài Gòn: 2 giờ.
 - VICT, Bến Nghé: 2 giờ.
 - Cát Lái: 3 giờ.
 - SPCT: 4 giờ.
 - Cái Mép: 8 giờ.



TRUNG TÂM LOGISTICS CỦA THÀNH PHỐ.

SOTRANS ICD có vị trí mặt tiền quốc lộ 1A rất thuận tiện cho việc chuyên chở hàng hoá từ các Cảng đến ICD và từ ICD đi các khu công nghiệp.





STT	TÊN THIẾT BỊ	NHÂN HIỆU	SỐ LƯỢNG	NĂM SẢN XUẤT	TẢI TRỌNG	CÔNG DỤNG
1	Cầu bờ	Liebherr	02	2003, 2004	40 tấn	Cầu hàng tại cầu tàu
2	Cầu bờ	Caterpillar	01	2000	25 tấn	Cầu hàng tại cầu tàu
3	Xe nâng container hàng	Kalmar	02	2010	45 tấn	Nâng hạ container hàng
4	Xe nâng container hàng	Hyster	01	2013	45 tấn	Nâng hạ container hàng
5	Xe nâng container rỗng	Kalmar	04	1996, 1998	07 tấn	Nâng hạ container rỗng
6	Xe nâng container rỗng	Fantuzzi	02	1993	07 tấn	Nâng hạ container rỗng
7	Đầu kéo container bao gồm cả rơ moóc	Huyndai, Renault, Asia	10		66 tấn	Trung chuyển container
8	Trạm cân điện tử		01		100 tấn	Cân kiểm tra tải trọng



LIÊN THÔNG HOẠT ĐỘNG LOGISTICS KHU VỰC BÌNH DƯƠNG

Depot SOTRANS Mỹ Phước có diện tích 4.200m² với lợi thế vị trí sát giao lộ Mỹ Phước - Tân Vạn - Võ Văn Kiệt, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương nên dễ dàng kết nối các KCN như KCN Mỹ Phước 1, 2, 3 về khu vực TP. HCM và hệ thống Cảng Bình Dương, Đồng Nai, Long Bình, Cát Lái. Đây là điểm trung chuyển và nâng, hạ container lý tưởng cho khu vực Bình Dương.

Depot SOTRANS Mỹ Phước được trang bị xe cầu 80 tấn với khả năng xếp dỡ 3.000 teus/tháng sẽ giúp tiết kiệm thời gian và chi phí nâng, hạ container cho khách hàng.

Depot SOTRANS Mỹ Phước liên thông với hệ thống Logistics mạnh mẽ của SOTRANS giúp khách hàng được phục vụ hiệu quả, rút ngắn thời gian làm hàng.

CÁC DỊCH VỤ TẠI DEPOT SOTRANS MỸ PHƯỚC:

- ▶ Nâng, hạ container. Dịch vụ xếp, dỡ container.
- ▶ Bãi chứa container.
- ▶ Vận chuyển và giao nhận hàng nội địa.

ĐIỂM MẠNH:

- ▶ Vị trí đặc biệt thuận lợi khi nằm sát đại lộ Mỹ Phước - Tân Vạn liên thông các KCN tại Bình Dương.
- ▶ Khả năng chứa bãi lớn, năng lực bốc xếp mạnh giúp tiết kiệm thời gian nâng hạ container.

LỢI ÍCH CHO KHÁCH HÀNG:

- ▶ Hoạt động liên tục 24 giờ/7 ngày.
- ▶ Bố trí bãi container hợp lý giúp tiết kiệm thời gian cấp hoặc lưu bãi container.
- ▶ Thời gian lưu container linh hoạt với chi phí phù hợp.

VỊ TRÍ DEPOT SOTRANS MỸ PHƯỚC

Đường Võ Văn Kiệt, Định Hoà, Thủ Dầu Một, Bình Dương.





LIÊN THÔNG HOẠT ĐỘNG LOGISTICS KHU VỰC ĐỒNG NAI

Depot SOTRANS Nhơn Trạch có diện tích 5.000m² với lợi thế vị trí ngay trục đường chính vào Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch, dễ dàng kết nối các KCN tại Đồng Nai như: KCN Long Thành, KCN Nhơn Trạch 1,2,3,4,5,6, KCN An Phước, KCN Gò Dầu, KCN Mỹ Xuân. Đây là trung tâm cụm công nghiệp lớn nhất Việt Nam.

Depot SOTRANS Nhơn Trạch có bãi hàng rộng rãi, có thể chứa container và hơn 70 xe đầu kéo các loại.

Depot SOTRANS Nhơn Trạch liên thông với hệ thống Logistics mạnh mẽ của SOTRANS giúp khách hàng được phục vụ hiệu quả và rút ngắn thời gian làm hàng.

ĐIỂM MẠNH:

- Vị trí đặc biệt thuận lợi khi nằm trong trục chính KCN Nhơn Trạch.
- Khả năng chứa bãi lớn, cùng lúc có thể tập kết được nhiều xe container.

VỊ TRÍ DEPOT SOTRANS NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Số 9, Đường 25B, Ấp Xóm Gốc, Xã Long An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.
ĐT: (84.28) 6268 5858 - Fax: (84.28) 3940 2566
Email: logistics@sotrans.com.vn



VỊ TRÍ CHIẾN LƯỢC TẠI TRUNG TÂM QUẬN 9, TP.HCM

Cảng SOWATCO Long Bình trực thuộc SOWATCO (Thành viên của SOTRANS) có diện tích 200.000m² với lợi thế cảng bờ sông Đồng Nai và mặt tiền đường Nguyễn Xiển, Phường Long Bình, Quận 9, TP. HCM là đầu mối kết nối hàng hóa thuận tiện cho khu vực TP. HCM với Miền Đông và Miền Tây. Hệ thống cầu cảng có thể tiếp nhận tàu 5.000 MT với 3 cầu cảng nằm suốt dọc bờ sông Đồng Nai.

Cảng SOWATCO Long Bình là cánh tay nối dài của SOTRANS ICD khu vực Thủ Đức và là điểm trung chuyển cho các Cảng khu vực TP. HCM, khu vực Cái Mép - Thị Vải. Hệ thống Cảng liên thông với hệ thống Logistics mạnh mẽ của SOTRANS giúp khách hàng được phục vụ hiệu quả và rút ngắn thời gian làm hàng.

ĐIỂM MẠNH:

- Vị trí đặc biệt thuận lợi cho cả đường thủy lẫn đường bộ.
- Trung tâm thành phố, dễ dàng phân phối hàng hóa đi các nơi.
- Trang thiết bị hiện đại.

CÁC DỊCH VỤ TẠI CẢNG SOWATCO LONG BÌNH:

- Nâng, hạ container. Dịch vụ xếp, dỡ container.
- Bãi chứa container.
- Sửa chữa và vệ sinh container.
- Vận chuyển hàng nội địa.

VỊ TRÍ CẢNG SOWATCO LONG BÌNH

Đường Võ Văn Kiệt, Định Hoà, Thủ Dầu Một, Bình Dương.

STT	QUI MÔ	ĐVT	CẦU SỐ 1	CẦU SỐ 2	CẦU SỐ 3
1	Chiều dài	m	44	88	70
2	Chiều rộng	m	10	10	32
3	Chiều rộng cầu dẫn	m	Liên bờ	Liên bờ	Liên bờ
4	Mớn nước thủy triều thấp	m	3	3	7
5	Khả năng tiếp nhận tàu	DWT	600	600	5



CUNG CẤP GIẢI PHÁP LOGISTICS TỔNG THỂ VÀ TÍCH HỢP

Với kinh nghiệm hơn 45 năm hoạt động trong ngành dịch vụ logistics, giao nhận vận tải, kho bãi và Cảng, SOTRANS đã không ngừng cải thiện và nghiên cứu xây dựng mô hình kinh doanh hiệu quả, cung cấp các giải pháp logistics tổng thể và tích hợp giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt chuỗi cung ứng, thúc đẩy dòng chảy nguyên liệu đầu vào từ nhà sản xuất, phân phối đến tay người tiêu dùng nhanh chóng và an toàn từ thị trường Việt Nam đến thị trường Đông Nam Á.

DỊCH VỤ CONTRACT LOGISTICS:

- › Thiết kế, tư vấn và cung cấp giải pháp về chuỗi cung ứng phù hợp với từng doanh nghiệp.
- › Quản lý hàng hóa.
- › Thực hiện các dịch vụ hoàn thiện đơn hàng.
- › Các dịch vụ kho và dịch vụ giá trị gia tăng cho hàng hóa.
- › Phân phối hàng hóa.
- › Thông quan hàng hóa.
- › Giao nhận hàng hóa nguyên container, nguyên xe, hàng lẻ.
- › Vận hành hệ thống logistics tại cơ sở của khách hàng.

Top 3

Nhà cung cấp dịch vụ logistics Việt Nam
Vietnam logistics provider

DỊCH VỤ **THEO CHUẨN QUỐC TẾ**

SOTRANS luôn ý thức được rằng Khách hàng là nhân tố quan trọng nhất, quyết định tương lai và sự phát triển của Công ty. Công việc của SOTRANS là phục vụ và đáp ứng các nhu cầu kinh doanh của khách hàng. Khách hàng là một phần không thể tách rời khỏi SOTRANS.

CÁC CAM KẾT CỦA SOTRANS:

- ▶ Cung cấp giải pháp logistics đơn giản nhất - hiệu quả nhất.
- ▶ Giá rất cạnh tranh.
- ▶ Tư vấn miễn phí.
- ▶ Tiết kiệm tối đa thời gian và tiền bạc của Quý khách hàng.
- ▶ Phương thức thanh toán thuận lợi.
- ▶ Phục vụ tận tình - chu đáo.



▶ **PHẦN 3** **KHÁCH HÀNG VÀ ĐỐI TÁC**



SOTRANS PHỤC VỤ HƠN 800 KHÁCH HÀNG THƯỜNG XUYÊN

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các công ty xuất nhập khẩu (hơn 60% là công ty, VPĐD nước ngoài và liên doanh) tại TP. HCM, Đồng Nai, Bình Dương, BR - VT và một số tỉnh miền Trung, miền Đông, miền Tây Nam Bộ.

Thị trường chính của Công ty: hàng xuất đi EU, US và Nhật Bản; hàng nhập từ EU và các nước châu Á, đặc biệt là Trung quốc và Đông Nam Á. Hiện nay SOTRANS đang cung cấp dịch vụ cho hơn 800 khách hàng, trong đó có những khách hàng đã gắn bó với Công ty hàng chục năm.

Một số khách hàng lớn: Tập đoàn sản xuất và kinh doanh Nông thổ sản Cargill (Mỹ), Tập đoàn sản xuất và kinh doanh thời trang SCAVI (Pháp), Tập đoàn sản xuất và kinh

doanh Đồ gỗ SCANCOM (EU), Tập đoàn Friesland Campina, PepsiCo, P&G, Uni Presidnet, Holcim, Colgate Palmolive...

HÀNG HÓA XNK CHỦ YẾU:

- Xuất: may mặc, giày da, thủ công mỹ nghệ và gốm sứ, đồ gỗ, điện tử, nguyên vật liệu, nông lâm sản...
- Nhập: máy móc thiết bị, nguyên vật liệu cho gia công may mặc, giày dép, giấy...
- Giao nhận: thực phẩm, thức ăn gia súc, bao bì, nguyên vật liệu, máy móc, hóa chất, dược phẩm dược liệu...

SIEMENS



NutiFood
Giải pháp dinh dưỡng của chuyên gia



SCAVI



SOTRANS CÓ HỢP ĐỒNG **TRỰC TIẾP** VỚI HƠN 30 HÃNG TÀU LỚN VÀ 20 HÃNG HÀNG KHÔNG

SOTRANS liên hệ chặt chẽ với các hãng tàu, hãng hàng không, hãng vận chuyển... trên toàn thế giới nhằm phục vụ đa dạng nhu cầu vận chuyển của khách hàng. SOTRANS kết nối nguồn lực logistics toàn cầu trên cơ sở mở rộng dịch vụ, đảm bảo an toàn hàng hóa.

SOTRANS có hệ thống các nhà cung cấp uy tín và có kinh nghiệm lâu đời trong ngành dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế.

Bên cạnh đó SOTRANS có đại lý tại hơn 100 quốc gia trên thế giới giúp quá trình vận chuyển hàng hóa được nhanh chóng.

CÁC HÃNG HÀNG KHÔNG:

Sotrans có hợp đồng với hầu hết các hãng hàng không lớn trên thế giới:

- > Vietnam Airlines (VN).
- > China Airlines (CI).
- > All Nippon Airways (NH).
- > Qatar Airways (QR).
- > Etihad Airways (EY).
- > United Airlines (UA).
- > Cathay Pacific (CX).
- > Asiana Airlines (OZ).
- > Singapore Airlines (SQ).
- > Philippine Airlines (PR).
- > Turkish Airlines (TK).
- > AirAsia (AK)...
- > Korean Air (KE).
- > Hong Kong Airlines (HX).
- > Thai Airways (TG).
- > Japan Airlines (JL).

CÁC HÃNG TÀU:

SOTRANS cũng có hợp đồng với hầu hết các hãng tàu lớn trên thế giới:

- > CMA - CGM
- > Hyundai.
- > MSC
- > APL.
- > Hapag - Lloyd.
- > Evergreen.
- > NYK
- > MOL.

CÁC KHỐI KINH DOANH:

KHỐI CƯỚC QUỐC TẾ:

Địa chỉ: 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. HCM, Việt Nam.
ĐT: (84.28) 6268 5858 - Fax: (84.28) 3940 0122
Email: support@sotrans.com.vn

Văn phòng Đà Nẵng:

Địa chỉ: 100 Duy Tân TP Đà Nẵng, Việt Nam.
Tel: (84.236) 384 0929 - Fax: (84.236) 389 9919
Email: support@sotrans.com.vn

KHỐI KHO:

Địa chỉ: 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. HCM, Việt Nam.
ĐT: (84.28) 6268 5858 - Fax: (84.28) 3940 2566
Email: warehouse@sotrans.com.vn

Văn phòng Thủ Đức:

Địa chỉ: Km 09, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam.
ĐT: (84.28) 3896 0967 - Fax: (84.28) 3896 0360
Email: info-pw@sotrans.com.vn

KHỐI GIAO NHẬN:

Địa chỉ: 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. HCM, Việt Nam.
ĐT: (84.28) 6268 5858 - Fax: (84.28) 3940 2566
Email: logistics@sotrans.com.vn

KHỐI CONTRACT LOGISTICS:

Địa chỉ: 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. HCM, Việt Nam.
ĐT: (84.28) 6268 5858 - Fax: (84.28) 3826 6593

CHI NHÁNH:

Chi nhánh SOTRANS tại Hà Nội

Địa chỉ: 142 Đội Cấn, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam.
ĐT: (84.24) 3732 1118 - Fax: (84.24) 3732 1119
Email: info@sotranshanoi.com.vn

HỆ THỐNG CẢNG:

CẢNG SOTRANS ICD:

Địa chỉ: Km 9, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam.
ĐT: (84.28) 3731 0033 - Fax: (84.28) 3728 3324
Email: info@icdsotrans.com.vn

CẢNG SOWATCO LONG BÌNH:

Địa chỉ: 1352/36 Nguyễn Xiển, Phường Long Bình, Quận 9, TP. HCM.
ĐT: (84.28) 3732 6062 (cont. rỗng)
ĐT: (84.28) 3732 6063 (cont. hàng)
Email: longbinhport@sowatco.com.vn

DEPOT SOTRANS MỸ PHƯỚC:

Địa chỉ: Đường Võ Văn Kiệt, Định Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương.
ĐT: (84.28) 6268 5858 - Fax: (84.28) 3940 2566
Email: logistics@sotrans.com.vn





➤ PHẦN 4

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2020, được đánh giá là một năm khó khăn thách thức, khi thị trường vận tải vẫn chưa phục hồi ổn định và những thời điểm giảm sâu trong khi giá nhiên liệu tăng cao cùng với tình hình dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng rất mạnh đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy so với năm 2019, các chỉ tiêu đều sụt giảm nhưng cơ bản hoạt động của công ty vẫn có lãi. Để đạt được kết quả này, công ty đã hết sức nỗ lực và áp dụng nhiều giải pháp tích cực vượt qua khó khăn.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020 (triệu đồng)	So sánh năm 2019 (%)	So sánh kế hoạch năm 2020 (%)
1	Doanh thu	2,032,048	110.6%	114.2%
2	Lợi nhuận trước thuế	147,772	96.9%	159.5%
3	Lợi nhuận sau thuế	117,768	95.8%	192.4%

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán)

2. Tổ chức và nhân sự

▪ Danh sách và những thay đổi trong Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tóm tắt lý lịch	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (CP) có quyền biểu quyết	Thời gian bổ nhiệm/từ nhiệm
1	Ông Trần Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	- Giới tính: Nam - Ngày sinh: 24/10/1972 - Nơi sinh: Hà Nội - Quốc tịch: Việt Nam - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: o Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển IN DO TRẦN o Thành viên HĐQT Tổng Công ty CP Đường Sông Miền Nam o Thành viên HĐQT Công ty Liên doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1	0%	o Từ nhiệm từ ngày 01/07/2020
2	Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc	- Giới tính: Nam - Ngày sinh: 11/12/1969 - Nơi sinh: Thanh Hóa - Quốc tịch: Việt Nam - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: o Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics o Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận Tải Đa Phương Thức Vietranstimex o Thành viên HĐQT Công ty Liên doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1	85.776 CP, chiếm 0,087% vốn điều lệ	o Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2020

3	Ông Phạm Tường Minh	Kế toán trưởng	- Giới tính: Nam - Ngày sinh: 18/04/1981 - Nơi sinh: Thái Bình - Quốc tịch: Việt Nam - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không	26.321 CP, chiếm 0,027% vốn điều lệ	Từ nhiệm từ ngày 25/08/2020
4	Ông Nguyễn Hoàng Giang	Trưởng phòng Kế toán kiêm Kế toán trưởng	- Giới tính: Nam - Ngày sinh: 13/04/1986 - Nơi sinh: Tiền Giang - Quốc tịch: Việt Nam - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không	0%	Bổ nhiệm từ ngày 25/08/2020

▪ **Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách người lao động:**

Người lao động: Tổng số người lao động trong hệ thống SOTRANS tại thời điểm ngày 31/12/2020 là 1.016 người (thời điểm ngày 31/12/2019 là 1.168 người).

Tất cả lao động đều được ký kết hợp đồng lao động, SOTRANS luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

Điều kiện làm việc

SOTRANS cam kết đem đến cho bạn một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và đầy thách thức.

- Với bề dày gần 45 năm kinh nghiệm trong hoạt động kinh doanh, SOTRANS đã chuẩn hóa các quy tắc, quy định về quy trình làm việc để các bộ phận phối hợp rõ ràng, nhịp nhàng. Thường xuyên cập nhật, cung cấp tài liệu hướng dẫn cho nhân viên về toàn bộ quy định, quy trình Công ty.
- Mỗi cá nhân khi làm việc tại SOTRANS được xác định rõ phạm vi, khối lượng công việc rõ ràng; được Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát huy tối đa năng lực bản thân và ghi nhận công sức đóng góp xứng đáng.
- Các trang thiết bị cá nhân và trang thiết bị phòng ban luôn luôn trong tình trạng hoàn hảo để phục vụ tốt nhất cho hoạt động kinh doanh.
- Môi trường làm việc tại SOTRANS đòi hỏi sự năng động và đầy thách thức. Bạn sẽ có cơ hội làm việc với những hạt nhân xuất sắc của SOTRANS, những người giàu kinh nghiệm và chuyên nghiệp luôn phấn đấu vì mục tiêu chung.
- Chúng tôi cam kết tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất giúp bạn đạt được mục tiêu nghề nghiệp của chính mình. Mạng liên kết toàn cầu của SOTRANS là cơ hội tốt cho bạn trải nghiệm và tiếp cận các phương pháp quản lý và xây dựng chiến lược của các tập đoàn đa quốc gia giúp bạn có thể thỏa sức sáng tạo, đưa những kiến thức và kinh nghiệm vào thực tế nhằm góp phần xây dựng và phát triển Công ty.
- Với mỗi cá nhân tinh thần và khả năng làm việc đội nhóm sẽ góp phần quan trọng trong hiệu quả công việc và thành công của bạn sau này. Hãy hòa cùng tập thể SOTRANS và cùng chúng tôi bước tiếp những bước dài trong lịch sử hình thành và phát triển của SOTRANS.

Chế độ làm việc:

- Thời gian làm việc bình thường không quá 8 giờ trong 01 ngày và 48 giờ trong 01 tuần. Tuy nhiên, tùy đặc thù công việc và điều kiện sản xuất kinh doanh của từng nơi, từng thời điểm, người có trách nhiệm cao nhất của doanh nghiệp có quyền quy định biểu giờ làm việc riêng của từng đơn vị phù hợp quy định của công ty và của pháp luật.
- Người lao động được nghỉ các ngày lễ, Tết theo quy định hiện hành. Người lao động làm thêm giờ được bố trí nghỉ bù vào những ngày khác trong tuần, tuy nhiên thời gian làm thêm giờ không được vượt mức quy định tại điều 69, Bộ luật lao động.
- Người lao động có 12 tháng làm việc trở lên tại Công ty được nghỉ phép hàng năm và hưởng nguyên lương 12 ngày làm việc. Mỗi 5 năm làm việc, người lao động sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.
- Công ty và người lao động có nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTN-BNN theo quy định hiện hành. Các chế độ thanh toán trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thôi việc, được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

- Công ty xây dựng mức lương, thưởng cho mỗi chức danh công việc trên cơ sở tham khảo hệ thống thang bảng lương của một số doanh nghiệp cùng ngành nghề, trong đó quan tâm đãi ngộ đối ngũ cán

- bộ quản lý điều hành doanh nghiệp, cán bộ CNV có năng lực sales giỏi và những người đã cống hiến nhiều cho Công ty.
- Công ty quan tâm nâng cao đời sống CBCNV với mức thu nhập năm sau luôn luôn cao hơn năm trước. Chính sách thưởng các đơn vị có lợi nhuận cao nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo trong toàn Công ty.
- Đối với khâu kinh doanh then chốt thực hiện khoản doanh thu, lợi nhuận có thưởng theo lũy tiến nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh, đem lại hiệu quả cao.
- Hằng năm Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ mát và thường xuyên tổ chức các buổi gặp mặt, team building, trao đổi kinh nghiệm giữa các CBCNV trong Công ty.
- Công ty luôn luôn quan tâm đến sức khỏe của đội ngũ CBCNV, CBCNV được tạo điều kiện thăm khám sức khỏe định kỳ hàng năm.
- Duy trì các hình thức họp mặt truyền thống trong các dịp Tết cổ truyền, kỷ niệm: ngày Thương binh, ngày Phụ nữ, ngày thành lập quân đội, tổ chức hội thi, vui chơi, tuyên dương, tặng quà, trao học bổng cho các cháu học giỏi là con của người lao động đang làm việc tại Công ty....
- Tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao,... cho người lao động, mua sắm trang phục, dụng cụ thể thao, tổ chức luyện tập, giao lưu, thi đấu...
- Công ty tổ chức thăm hỏi, động viên khi CBCNV ốm đau, khó khăn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2020, SOTRANS thực hiện những khoản đầu tư lớn chủ trọng vào hoạt động sản xuất kinh doanh chính bao gồm:

- + Đầu tư đóng mới hai tàu chở container 250 Teu
- + Đầu tư xây dựng nâng cấp cảng Long Bình
- + Đầu tư đội xe đầu kéo phục vụ hoạt động vận tải
- + Tái cấu trúc tài sản, nguồn vốn đầu tư tại các công ty thành viên
- + Tập trung phát triển mạnh vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng cho các dự án điện gió

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Trong năm 2020, Công ty mẹ đã thực hiện thoái vốn tại Công ty TNHH MTV Sotrans Hà Tĩnh, thoái vốn tại Công ty CP MHC, Công ty TNHH MTV Lô-Gi-Stic Gefco-Sotrans. Công ty đã xác định lĩnh vực định hướng phát triển mạnh mẽ cần nên đã tập trung đầu tư vốn vào Công ty CP Cảng Miền Nam, Công ty CP Cảng Đồng Nai.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính năm 2020

Chỉ tiêu	2020 (Triệu đồng)	2019 (Triệu đồng)	Biến động (%)
Tổng giá trị tài sản	2.339.223	2.275.457	3%
Doanh thu thuần	2.031.889	1.835.502	11%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	151.382	148.279	2%
Lợi nhuận khác	- 3.610	4.284	- 184%
Lợi nhuận trước thuế	147.772	152.563	- 3%
Lợi nhuận sau thuế	117.769	122.918	- 4%

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,76	2,28
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	1,65	2,21
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,30	0,25
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,42	0,34
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	40	55,39
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,88	0,79
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6%	7%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	7%	7%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	5%	5%
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	7%	8%

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cơ cấu cổ đông

Tại thời điểm ngày 31/12/2020, thông tin cổ phần của SOTRANS như sau:

Vốn điều lệ:	982.533.570.000 đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết:	98.253.357 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu lưu hành:	98.253.357 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ:	0 cổ phiếu
Mệnh giá 1 cổ phiếu:	10.000 đồng

STT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO NHÓM CỔ ĐÔNG	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	0	0%	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	0	0%	0	0	0
3	Cổ đông lớn	95,054,807	96,74%	2	2	0
	- Trong nước	95,054,807	96,74%	2	2	0
	- Nước ngoài	0	0%	0	0	0
4	Công đoàn Công ty	0	0%	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	0	0%	0	0	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	0	0%	0	0	0
7	Cổ đông khác	3,198,550	3,26%	766	27	739
	- Trong nước	3,127,196	3,18%	740	19	721
	- Nước ngoài	71,354	0,07%	26	8	18
TỔNG CỘNG		98,253,357	100,00%	768	30	738
Trong đó: - Trong nước		98,182,003	99,93%	741	22	719
- Nước ngoài		71,354	0,07%	27	9	18

b. Thay đổi vốn chủ sở hữu

không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

MÔI TRƯỜNG

SOTRANS đặt mục tiêu tối ưu hóa quản lý nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước trong toàn bộ hệ thống SOTRANS, luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm hướng tới việc tiết kiệm năng lượng và phát triển bền vững.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số người lao động trong hệ thống SOTRANS tại thời điểm ngày 31/12/2020 là 1.016 người. Tất cả lao động đều được ký kết hợp đồng lao động. SOTRANS luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Hàng năm Công ty đều tham gia các chương trình từ thiện, tham gia các hoạt động xã hội như tài trợ cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hiến máu nhân đạo,...

NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Toàn bộ các công ty trong hệ thống SOTRANS thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp các khoản thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), và các khoản phải nộp ngân sách khác theo đúng quy định.



➤ PHẦN 5

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2020

Năm 2020, doanh thu hợp nhất của Công ty đạt 2.032.048 triệu đồng, tăng 10,6% so với năm 2019 và đạt 114,2% so với kế hoạch đề ra; lợi nhuận trước thuế TNDN hợp nhất đạt 147.772 triệu đồng, đạt vượt 159,5% so với kế hoạch 2020. Một số chỉ tiêu chính thể hiện trong bảng dưới đây:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020 (triệu đồng)	Kế hoạch năm 2020 (triệu đồng)	Thực hiện năm 2019 (triệu đồng)	So sánh thực hiện 2020/2019 (%)	So sánh thực hiện 2019/ kế hoạch năm 2020 (%)
1	Doanh thu	2,032,048	1,779,832	1,837,191	110,6%	114,2%
2	Lợi nhuận trước thuế	147,772	92,648	152,562	96,9%	159,5%
3	Lợi nhuận sau thuế	117,768	61,206	122,918	95,6%	192,4%

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán)

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

CHỈ TIÊU	31/12/2020	31/12/2019	Biến động	Tỷ lệ biến động (%)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	898.183	1.034.943	-136.760	-13%
- Tiền và các khoản tương đương tiền	250.395	247.250	3.145	1%
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	73.516	299.249	-225.733	-75%
- Các khoản phải thu ngắn hạn	493.835	456.497	37.338	8%
- Hàng tồn kho	59.245	21.575	37.669	175%
- Tài sản ngắn hạn khác	21.192	10.372	10.820	104%
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	1.441.040	1.240.513	200.527	16%
- Các khoản phải thu dài hạn	2.215	2.083	132	6%
- Tài sản cố định	758.453	678.938	79.515	12%
- Tài sản dở dang dài hạn	12.887	53.407	-40.520	-76%
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	570.353	410.346	160.007	39%
- Tài sản dài hạn khác	97.132	95.739	1.393	1%
- Lợi thế thương mại	54.439	64.689	-10.251	-16%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.339.223	2.275.457	63.767	3%

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán)

b) Tình hình nợ phải trả

CHỈ TIÊU	31/12/2020	31/12/2019	Biến động	Tỷ lệ biến động (%)
----------	------------	------------	-----------	---------------------

A - NỢ PHẢI TRẢ	694.984	574.618	120.366	21%
- Nợ ngắn hạn	509.016	458.530	50.486	11%
- Nợ dài hạn	185.967	116.088	69.880	60%
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.644.239	1.700.838	-56.599	-3%
- Vốn chủ sở hữu	1.644.239	1.700.838	-56.599	-3%
TỔNG NGUỒN VỐN	2.339.223	2.275.457	63.767	3%

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán)

Tại ngày 31/12/2020, tổng tài sản và tổng nguồn vốn của Công ty tăng 3% so với đầu năm. Năm 2020, với định hướng tập trung vào các hoạt động kinh doanh cốt lõi, nhóm công ty có các hoạt động liên quan đến thoái vốn đối với các khoản đầu tư không đúng định hướng hoặc thiếu hiệu quả, đồng thời gia tăng đầu tư vào các Công ty trong chuỗi dịch vụ cung ứng như Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam, Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex, CTCP Cảng Đồng Nai.... Nhờ vậy, giá trị các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn giảm và đầu tư tài chính dài hạn tăng lên đáng kể. Nhóm công ty cũng đầu tư mua sắm tài sản cố định cần thiết để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp gia tăng giá trị tài sản cố định của nhóm Công ty thêm 12% so với đầu năm.

Khả năng thanh toán ngắn hạn của nhóm công ty duy trì ở mức độ an toàn ở mức trên 1,7 lần cả hai năm. Đòn bẩy tài chính được Nhóm công ty tận dụng cho hoạt động đầu tư và kinh doanh nhằm mang lại lợi ích tốt hơn cho Cổ đông, nhưng vẫn đảm bảo được tỷ trọng an toàn với hệ số nợ duy trì ở mức 0.3 lần trở xuống trên tổng tài sản cho cả 2 năm.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Công ty từng bước ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý doanh nghiệp
- Từng bước xây dựng hệ thống báo cáo quản trị để đánh giá hiệu quả hoạt động, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự.
- Quản lý chặt chẽ hoạt động tài chính – kế toán để tăng hiệu quả đồng vốn, giảm chi phí và tránh chiếm dụng vốn trong khâu bán hàng.
- Thực hiện tốt chính sách đối với khách hàng: chọn lọc những khách hàng có uy tín và năng lực làm đối tác, thực hiện chính sách giao dịch với khách hàng một cách có chọn lọc và thắt chặt các điều khoản thanh toán để duy trì hoạt động kinh doanh được ổn định, hạn chế thấp nhất rủi ro về tài chính. Đồng thời cải tiến các phương thức giao dịch theo hướng tạo thuận lợi cho khách hàng.
- Tăng cường giám sát việc thực hiện quy chế, nội quy, kỷ luật lao động, thời gian làm việc... của các phòng ban và của toàn thể cán bộ nhân viên Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2021

Năm 2020, nền kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng đang chịu tác động lớn từ đại dịch Covid-19. Theo báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA), có khoảng 15% doanh nghiệp bị giảm 50% doanh thu so với năm 2020 và hơn 50% doanh nghiệp giảm số lượng dịch vụ logistics trong nước và quốc tế từ 10% - 30% so với cùng kỳ năm ngoái. Bên cạnh đó, nhiều nhà máy phải tạm ngưng hoạt động, một số doanh nghiệp thiếu hụt nguồn nguyên liệu để sản xuất và khó tìm đầu ra cho sản phẩm tại các khu vực châu Á và một số khu vực khác. Điều này làm giảm sản lượng hàng hóa lưu thông, ảnh hưởng lớn đến các doanh nghiệp trong nước và trên thế giới, đặc biệt là các doanh nghiệp trong ngành logistics. Do vậy, năm 2021, Công ty đã và đang lên kế hoạch ứng phó với tình hình dịch bệnh, nhằm giảm thiểu tối đa các tác động xấu của dịch bệnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Công ty cũng đặt ra những kế hoạch trong năm 2021, cụ thể:

- Thực hiện tái cơ cấu tài sản nhằm mục tiêu tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài sản, đồng thời tập trung đầu tư vào các tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chính, phù hợp với chiến lược lâu dài của Công ty.
- Xây dựng tổ chức và hoạt động bền vững với cơ cấu tổ chức phù hợp, đội ngũ nhân sự kế thừa, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo an toàn, bền vững và thân thiện với môi trường.

- Tăng cường sử dụng dịch vụ, sản phẩm giữa các công ty con, công ty liên kết trong Công ty nhằm từng bước định hình chuỗi cung ứng dịch vụ hoàn chỉnh và tối đa hóa lợi nhuận.
- Tăng cường công tác giám sát điều hành và quản trị trong hoạt động kinh doanh.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí nhằm tiết giảm các chi phí không cần thiết.
- Tiếp tục xem xét đầu tư vào hệ thống hạ tầng, phương tiện trang thiết bị, công nghệ thông tin.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường

Cải tiến chất lượng, ứng dụng kỹ thuật tiên tiến, thân thiện với môi trường.

Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng đối với toàn thể cán bộ nhân viên thông qua các chiến dịch phát động tiết kiệm sử dụng nguồn năng lượng tại Công ty.

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Đồng hành và đẩy mạnh các hoạt động xã hội thiết thực để góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ nhân viên với sự phát triển chung của cộng đồng.

Xây dựng môi trường làm việc tốt để người lao động phát huy năng lực cá nhân, gắn bó và cống hiến cho Công ty đồng thời thu hút nhân tài.



➤ PHẦN 6

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG TỔNG CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

a. Về kết quả sản xuất kinh doanh:

Năm 2020, doanh thu hợp nhất của Công ty đạt 2.032.048 triệu đồng, tăng 10,6% so với năm 2019 và đạt 114,2% so với kế hoạch đề ra; lợi nhuận trước thuế TNDN hợp nhất đạt 147.772 triệu đồng, đạt vượt 159,5% so với kế hoạch 2020. Một số chỉ tiêu chính thể hiện trong bảng dưới đây:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020 (triệu đồng)	Kế hoạch năm 2020 (triệu đồng)	Thực hiện năm 2019 (triệu đồng)	So sánh thực hiện 2020/2019 (%)	So sánh thực hiện 2019/ kế hoạch năm 2020 (%)
1	Doanh thu	2.032.048	1.779.832	1.837.191	110,6%	114,2%
2	Lợi nhuận trước thuế	147.772	92.648	152.582	96,9%	159,5%
3	Lợi nhuận sau thuế	117.768	61.208	122.918	95,8%	192,4%

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán)

Theo kế hoạch tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, doanh thu hợp nhất của Công ty là 2.032,0 tỷ đồng, đạt 110,6% so với năm 2019. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế là 147,7 tỷ đồng, đạt 96,9% so với năm 2019.

Tình hình kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 đã hoàn thành vượt mức so với kế hoạch đề ra. Các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận đạt được so với kế hoạch được giao như sau:

- o Doanh thu hợp nhất đạt 2.032,0 tỷ đồng, đạt 114,2% so với kế hoạch đề ra.
- o Lợi nhuận trước thuế đạt 147,7 tỷ đồng, đạt 159,5% so với kế hoạch đề ra.
- o Lợi nhuận sau thuế đạt 117,7 tỷ đồng, đạt 192,4% so với kế hoạch đề ra.

b. Về tổ chức nhân sự và chế độ chính sách tiền lương:

- o Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo, tuyển dụng bổ sung đầy đủ nhân lực cho hoạt động, bổ nhiệm các vị trí quản lý của Công ty, các phòng ban.
- o Công ty luôn chăm lo đến đời sống cán bộ công nhân viên, đảm bảo công ăn việc làm đều đặn cho cán bộ công nhân viên chức. Chính sách lương thưởng đều được thực hiện đầy đủ theo quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị ban hành.

c. Về công tác đoàn thể và xã hội:

- o Công ty luôn chú trọng và khuyến khích các hoạt động của Công đoàn trong Công ty trong các hoạt động chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên; các phong trào thi đua; các phong trào thể thao quần chúng...

d. Về quan hệ Cổ đông và Nhà đầu tư:

- Công ty thực hiện việc công bố thông tin của Công ty nghiêm yết theo quy định của pháp luật.
- Các thông tin được cung cấp đầy đủ kịp thời đúng quy định.

e. Về các hoạt động tiêu biểu khác:

- Trong năm 2020, Công ty đã và đang thực hiện tái cơ cấu mảng kinh doanh logistics, hoàn tất chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics để phụ trách các hoạt động logistics, tái cấu trúc tài sản, nguồn vốn đầu tư, tập trung đầu tư vào các lĩnh vực được xác định là nòng cốt của Công ty như lĩnh vực đầu tư cảng, dự án điện gió.
- Công ty tiếp tục thực hiện kiên toàn mô hình quản trị, mô hình kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Năm 2020 Công ty tiếp tục được bầu chọn và trao giải Top 10 công ty uy tín ngành vận tải và logistics – nhóm ngành: Giao nhận, kho bãi và chuyển phát.

- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.
- Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của Công ty. Hỗ trợ tích cực các hoạt động của đơn vị thành viên nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư vốn của SOTRANS tại các công ty thành viên.
- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới, phát triển lĩnh vực hoạt động của Công ty kết hợp nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và các quy chế khác. Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

- Trải qua một năm kinh doanh nhiều thách thức, Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020. Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban điều hành được thực hiện thông qua việc Hội đồng Quản trị chất vấn Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý điều hành về kết quả hoạt động trong kỳ tại các phiên họp định kỳ và khi đến làm việc với các đơn vị.
- HĐQT luôn giám sát công việc thực hiện của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành công việc về hoạt động SXKD của Công ty cũng như giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quyết định của HĐQT đã được thông qua, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Hiện nay, Tổng Giám đốc đồng thời là Thành viên HĐQT, do vậy, Tổng Giám đốc luôn kịp thời ghi nhận các nội dung định hướng, chỉ đạo của HĐQT và tổ chức triển khai có kết quả trên toàn hệ thống Công ty. Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã hoàn thành tốt vai trò của mình thể hiện qua việc chỉ đạo và triển khai hiệu quả các quyết định của Hội đồng Quản trị. Công tác quản trị điều hành theo những thông lệ quản trị tốt nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động. Công tác công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định của pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Để đạt được mục tiêu doanh thu và lợi nhuận, Hội đồng quản trị định hướng một số giải pháp chính như sau:

- Thực hiện đúng vai trò Holding, là đầu mối tập trung sức mạnh trong quản trị cũng như hỗ trợ toàn diện các đơn vị trong hệ thống như hỗ trợ về tài chính, pháp lý, quản lý dự án, IT,... tạo điều kiện tốt nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị.
- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty vượt qua các khó khăn, giữ ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 do Đại hội đồng cổ đông giao. Phối hợp chặt chẽ và cùng với Ban Tổng Giám đốc điều hành triển khai các giải pháp quản trị đã đặt ra, kiểm soát và đánh giá kết quả hoạt động từng tháng, từng quý, chủ động xây dựng và triển khai các giải pháp điều hành kịp thời, có hiệu quả để đảm bảo đạt được mục tiêu kế hoạch đặt ra.



PHẦN 7

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

S T T	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Số lượng chức danh thành viên HĐQT do từng thành viên HĐQT nắm giữ tại công ty khác
1	Ông Trần Tuấn Anh (bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT từ 12/04/2019)	Chủ tịch HĐQT	0	0%	- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển IN DO TRẦN - Thành viên HĐQT Tổng Công ty CP Đường Sóng Miền Nam - Thành viên HĐQT Công ty Liên doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1
2	Ông Nguyễn Quốc Thúc (bổ nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT từ 30/08/2020)	Phó Chủ tịch HĐQT	0	0%	- Phó Chủ tịch phụ trách Nguồn nhân lực Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển IN DO TRẦN
3	Ông Đặng Doãn Kiên (bổ nhiệm Thành viên HĐQT từ 23/04/2018)	Thành viên HĐQT	0	0%	- Phó Chủ tịch phụ trách đầu tư Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển IN DO TRẦN - Thành viên HĐQT Công ty CP Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex - Thành viên độc lập Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình - Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty CP Đường Sóng Miền Nam - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH North Star Logistics - Tổng Giám đốc Công ty TNHH ITL Global
4	Ông Đỗ Lê Hùng (bổ nhiệm từ 27/09/2019)	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%	- Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP Sữa Việt Nam (Vinamilk) - Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP Dược Hậu Giang - Thành viên Viện Thành viên HĐQT (VIOD) - Thành viên HĐQT Công ty CP GTNFOODS - Phó Trưởng Tiểu ban kiểm toán và tuân thủ - trực thuộc HĐQT của Công ty CP Tập đoàn Ecopark
5	Ông Đặng Vũ Thành (bổ nhiệm từ 30/06/2020)	Thành viên HĐQT	85.776	0,0873%	- Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex - Thành viên HĐQT Công ty Liên doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1
6	Bà Đỗ Thị Phương Lan (từ nhiệm từ 30/06/2020)	Thành viên	0	0%	- Thành viên góp vốn Công ty TNHH VLCC, Công ty CP Quản lý quỹ Đầu tư Đô
7	Ông Trần Quang Tiến (từ nhiệm từ 12/06/2020)	Thành viên	0	0%	- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã thông qua Công ty thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý mới. Theo cơ cấu mới này, Công ty đã bỏ Ban kiểm soát trực thuộc Đại hội đồng cổ đông. Thay vào đó, Hội đồng quản trị thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.

Ngày 05/11/2019, Hội đồng quản trị Công ty đã bổ nhiệm Ông Đỗ Lê Hùng – Thành viên độc lập HĐQT làm Trưởng Tiểu ban kiểm toán và 02 (hai) thành viên Tiểu ban kiểm toán là Ông Trần Quang Tiến, Ông Đặng Doãn Kiên.

Ngày 30/6/2020, Hội đồng quản trị Công ty đã miễn nhiệm thành viên Tiểu ban kiểm toán đối với Ông Trần Quang Tiến theo đơn từ nhiệm và bổ nhiệm Ông Nguyễn Quốc Thúc làm thành viên Tiểu ban kiểm toán.

Tiểu ban kiểm toán đã xem xét BCTC các quý, bán niên và cả năm tài chính 2020 (gồm báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất), ghi nhận các khuyến nghị của kiểm toán độc lập Ernst & Young và đề nghị Ban điều hành Công ty xem xét xây dựng chương trình hành động để thực hiện.

Tiểu ban Kiểm toán giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống quản lý rủi ro thông qua báo cáo và các cuộc tiếp xúc, phỏng vấn trực tiếp với Kiểm toán nội bộ, Kiểm toán độc lập và các đơn vị, bộ phận chức năng của Sotrans Group.

Về kiểm toán nội bộ (được thành lập từ giữa năm 2019) giúp Tiểu ban Kiểm toán và HĐQT đánh giá một cách khách quan, độc lập và chuyên nghiệp đối với hệ thống KSNB và QLRR. Trong cơ cấu quản trị công ty, Kiểm toán nội bộ đã thực hiện báo cáo về mặt chức năng lên HĐQT (Tiểu ban Kiểm toán), và báo cáo về mặt hành chính lên Tổng Giám đốc. Cách tổ chức này vừa đảm bảo tính độc lập, chuyên nghiệp, đủ nguồn lực cho Kiểm toán nội bộ thực hiện nhiệm vụ nhưng đồng thời giúp Kiểm toán nội bộ có thể hỗ trợ một cách hiệu quả nhất cho Ban điều hành và Tổng giám đốc, không chỉ nâng cao tính tuân thủ mà còn hỗ trợ nâng cao hiệu quả quản lý, tối ưu hóa quy trình nghiệp vụ, cải thiện quản trị rủi ro doanh nghiệp.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng Quản trị tổ chức họp 19 cuộc gồm các phiên thường kỳ và lấy phiếu biểu quyết bằng hình thức gửi văn bản, qua email nhằm tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức. Trong các phiên họp, tất cả các thành viên tham dự đầy đủ.

- Các phiên họp của Hội đồng Quản trị đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, các nội dung biểu quyết đều được thông qua với sự nhất trí 100% của các thành viên dự họp, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự.

- Hội đồng Quản trị đã trực tiếp thảo luận, quyết định các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tại các kỳ Đại hội. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, phê duyệt tờ trình của Tổng Giám đốc và nghe Tổng Giám đốc báo cáo, giải trình kế hoạch SXKD của Công ty.

- Hội đồng Quản trị thường xuyên giám sát Ban điều hành trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

- Hội đồng Quản trị đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Các thành viên HĐQT đã tham dự trực tiếp các cuộc họp của HĐQT và biểu quyết, cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ	
				tham dự	Lý do không tham gia họp
1	Ông Trần Tuấn Anh	Chủ tịch	19/19	100%	
2	Ông Nguyễn Quốc Thúc	Phó Chủ tịch	10/19	53%	Bỏ nhiệm từ ngày 30/06/2020
3	Ông Đặng Doãn Kiên	Phó Chủ tịch	19/19	100%	
4	Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên	19/19	100%	
5	Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên	10/19	53%	Bỏ nhiệm từ ngày 30/06/2020
6	Bà Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên	9/19	47%	Từ nhiệm từ ngày 30/06/2020
7	Ông Trần Quang Tiến	Thành viên	6/19	32%	Từ nhiệm từ ngày 12/06/2020

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2020:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	002/2020/STG/QĐ-HĐQT	13/01/2020	Quyết định miễn nhiệm cán bộ
2	013/2020/STG/NQ-HĐQT	21/02/2020	Nghị quyết thông qua tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và tài liệu trình ĐHCĐ.
3	019/2020/STG/NQ-HĐQT	14/03/2020	Nghị quyết thông qua việc thay đổi thời gian trả cổ tức.
4	022/2020/STG/NQ-HĐQT	26/03/2020	Nghị quyết thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức họp ĐHCĐ thường niên năm 2020.
5	033/2020/STG/NQ-HĐQT	12/05/2020	Nghị quyết thông qua việc tổ chức họp ĐHCĐ thường niên năm 2020.
6	037/2020/STG/NQ-HĐQT	08/06/2020	Nghị quyết thông qua việc thoái hết vốn tại Công ty cổ phần MHC.
7	043/2020/STG/NQ-HĐQT	18/06/2020	Nghị quyết thông qua chương trình và nội dung tài liệu họp ĐHCĐ thường niên năm 2020.
8	065/2020/STG/NQ-HĐQT	26/06/2020	Nghị quyết thông qua chấm dứt hợp đồng thuê cảng.
9	074/2020/STG/NQ-HĐQT	30/06/2020	Nghị quyết thông qua bổ nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT và thay đổi thành viên Tiểu ban Kiểm toán.
10	075/2020/STG/NQ-HĐQT	30/06/2020	Nghị quyết thông qua thay đổi Tổng Giám đốc Công ty, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty
11	076/2020/STG/QĐ-HĐQT	30/06/2020	Quyết định về việc miễn nhiệm cán bộ
12	078/2020/STG/NQ-HĐQT	30/06/2020	Nghị quyết thông qua tái bổ nhiệm Kế toán trưởng của Công ty
13	079/2020/STG/QĐ-HĐQT	30/06/2020	Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ
14	080/2020/STG/QĐ-HĐQT	30/06/2020	Quyết định về việc tái bổ nhiệm cán bộ
15	086/2020/STG/NQ-HĐQT	02/07/2020	Nghị quyết về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020
16	090/2020/STG/NQ-HĐQT	02/07/2020	Nghị quyết về việc thông qua mức thù lao HĐQT 2020
17	096/2020/STG/NQ-HĐQT	14/08/2020	Nghị quyết về việc thoái vốn tại Công ty TNHH MTV Sotrans Hà Tĩnh
18	099/2020/STG/NQ-HĐQT	25/08/2020	Nghị quyết về việc thay đổi Kế toán trưởng của Công ty
19	100/2020/STG/QĐ-HĐQT	25/08/2020	Quyết định về việc miễn nhiệm cán bộ
20	101/2020/STG/QĐ-HĐQT	25/08/2020	Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ
21	108/2020/STG/NQ-HĐQT	07/09/2020	Nghị quyết về việc chấp thuận hợp đồng giữa công ty với người có liên quan của người nội bộ
22	112/2020/STG/NQ-HĐQT	22/09/2020	Nghị quyết về việc chuyển nhượng vốn góp tại Sotrans Hà Tĩnh
23	117/2020/STG/NQ-HĐQT	16/10/2020	Nghị quyết về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty
24	122/2020/STG/NQ-HĐQT	28/12/2020	Nghị quyết về việc chấp thuận giao dịch nhận chuyển nhượng nhà văn phòng

25	125/2020/STG/NQ-HĐQT	28/12/2020	Nghị quyết về việc chấp thuận cho STL nhận chuyển nhượng phương tiện, thiết bị vận tải của VTX
26	128/2020/STG/NQ-HĐQT	28/12/2020	Nghị quyết về việc chấp thuận cho STL nhận chuyển nhượng phương tiện, thiết bị vận tải của VTX

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Ông Đỗ Lê Hùng được bổ nhiệm làm Thành viên HĐQT độc lập từ ngày 27/9/2019 và bổ nhiệm làm Trưởng Tiểu ban kiểm toán từ ngày 05/11/2019.

e. Đào tạo về quản trị Công ty:

Các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia các khóa học, các buổi tập huấn theo quy định về quản trị công ty. Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn sắp xếp và cử đại diện tham dự các khóa đào tạo, tập huấn do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán tổ chức nhằm nâng cao tính tuân thủ của Công ty đối với các quy định do Nhà nước ban hành.

2. Tiểu ban kiểm toán:

1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát (BKS)/Ủy ban kiểm toán:

Stt	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Trình độ chuyên môn
1	Ông Đỗ Lê Hùng	Trưởng Tiểu ban kiểm toán	Ngày bắt đầu là Trưởng TBKT: 05/11/2019	Thạc sỹ kinh tế, tài chính
2	Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên Tiểu ban kiểm toán	Ngày bắt đầu là Thành viên TBKT: 05/11/2019	Thạc sỹ tài chính
3	Ông Trần Quang Tiến	Thành viên Tiểu ban kiểm toán	Ngày không còn là Thành viên TBKT: 12/06/2020	Cử nhân Kinh tế vận tải biển
4	Ông Nguyễn Quốc Thúc	Thành viên Tiểu ban kiểm toán	Ngày bắt đầu là Thành viên TBKT: 30/06/2020	Thạc sỹ chế tạo máy

Ngay từ khi thành lập, Tiểu ban Kiểm toán đã tích cực triển khai nhiều hoạt động thiết thực, giúp HĐQT thực hiện chức năng giám sát các vấn đề liên quan đến quản trị công ty tại Công ty Cổ phần Kho vận Miền nam.

Mặc dù mô hình Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT còn khá mới mẻ ở Sotrans Group nhưng với sự ủng hộ và quyết tâm của Ban lãnh đạo, ngay khi mới đi vào hoạt động, Tiểu ban Kiểm toán đã trình HĐQT phê duyệt Quy chế hoạt động của Tiểu ban, trong đó quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm cũng như cơ chế hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán. Điều này đã tạo thuận lợi cho Tiểu ban Kiểm toán trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

Tiểu ban kiểm toán tham gia các cuộc họp của HĐQT, của BĐH và các cuộc họp với đơn vị kiểm toán độc lập. Tiểu ban kiểm toán cũng được cung cấp các tài liệu, thông tin về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty phục vụ cho công tác kiểm soát của Tiểu ban kiểm toán. Trên cơ sở kết quả giám sát, KTNB, Tiểu ban kiểm toán đã đưa ra các kiến nghị, khuyến nghị về các biện pháp tăng cường giám sát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và các quy định nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả và an toàn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

Trong những tháng cuối năm 2019, Tiểu ban Kiểm toán đã tổ chức 3 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của cả 3 thành viên. Ngoài ra, các thành viên của Tiểu ban đã tiến hành nhiều cuộc họp chuyên đề khác với trưởng các đơn vị, bộ phận thuộc Ban điều hành cũng như lãnh đạo các Công ty thành viên.

Kết quả giám sát của Tiểu ban kiểm toán như sau:

3.1. Báo cáo tài chính:

Tiểu ban Kiểm toán đã xem xét BCTC năm 2020, đồng thời nhất trí với những đánh giá của Kiểm toán độc lập, theo đó:

- Báo cáo tài chính 2020 được lập và trình bày trung thực, phù hợp với VAS và các quy định hiện hành, không phát hiện có sai sót trọng yếu có thể làm sai lệch kết quả báo cáo tài chính
- Không có điều chỉnh trọng yếu hay vấn đề đáng kể nào được ghi nhận đối với chính sách kế toán, kết quả kinh doanh và biến động của số liệu tài chính.
- Giao dịch với các bên liên quan được báo cáo và kiểm soát; không phát hiện bất thường đối với các giao dịch bên liên quan.
- Không phát hiện sai sót trọng yếu liên quan đến các ước tính kế toán.
- Tiểu ban kiểm toán ghi nhận các khuyến nghị liên quan tại thư quản lý của kiểm toán độc lập Ernst & Young và đề nghị Ban điều hành Công ty xem xét xây dựng chương trình hành động để thực hiện.
- Đề nghị HĐQT cho phép phát hành báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 (gồm báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất) theo quy định.

3.2. Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro:

Tiểu ban Kiểm toán giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống quản lý rủi ro thông qua báo cáo và các cuộc tiếp xúc, phỏng vấn trực tiếp với Kiểm toán nội bộ, Kiểm toán toàn độc lập và các đơn vị, bộ phận chức năng của Sotrans Group.

Đặc điểm lớn nhất của Sotrans Group tại thời điểm hiện tại đó là Công ty đang trong quá trình tái cấu trúc hoạt động sản xuất kinh doanh sau giai đoạn nhiều lần thay đổi cơ cấu sở hữu vốn của các cổ đông lớn. Nền tảng quản lý kiểm soát và quản trị công ty hiện đang ở mức cơ bản và đang trong quá trình hợp lý hóa, tối ưu hóa và dần được cải thiện.

Hiện tại, công ty chưa hình thành được một bộ máy chuyên môn về QLRR và KSNB, nhưng nhiệm vụ này cũng đang từng bước giao cho Trưởng Kiểm toán nội bộ phụ trách. Mục tiêu là trong năm 2021, công ty cũng sẽ xây dựng một khung quản lý rủi ro, bao gồm cả các quy trình về nhận dạng, đánh giá, và kiểm soát rủi ro trên toàn hệ thống.

Cùng với sự trưởng thành của Kiểm toán nội bộ, hệ thống KSNB và QLRR sẽ được đánh giá lại và đánh giá liên tục. Trong năm 2021, Tiểu ban Kiểm toán sẽ có kế hoạch giám sát cụ thể hơn đồng thời sẽ có những khuyến nghị cụ thể với Ban điều hành để cải thiện hệ thống KSNB và QLRR.

3.3. Kiểm toán nội bộ:

Kiểm toán nội bộ được thành lập từ giữa năm 2019. Đây không chỉ đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ, mà còn hình thành nên 1 chức năng rất quan trọng trong cơ cấu quản trị công ty, giúp Tiểu ban Kiểm toán và HĐQT đánh giá một cách khách quan, độc lập và chuyên nghiệp đối với hệ thống KSNB và QLRR.

Trong cơ cấu quản trị công ty, Kiểm toán nội bộ thực hiện báo cáo về mặt chức năng lên HĐQT (Tiểu ban Kiểm toán), và báo cáo về mặt hành chính lên Tổng Giám đốc. Cách tổ chức này vừa đảm bảo tính độc lập, chuyên nghiệp, đủ nguồn lực cho Kiểm toán nội bộ thực hiện nhiệm vụ nhưng đồng thời giúp Kiểm toán nội bộ có thể hỗ trợ một cách hiệu quả nhất cho Ban điều hành và Tổng giám đốc, không chỉ nâng cao tính tuân thủ mà còn hỗ trợ nâng cao hiệu quả quản lý, tối ưu hóa quy trình nghiệp vụ, cải thiện quản trị rủi ro doanh nghiệp.

Qua đánh giá thực tế, so với quy mô và đặc điểm hoạt động của Sotrans Group thì lực lượng KTNB còn cần phải cải thiện nhiều hơn cả về số lượng và chất lượng mới có thể đáp ứng được kỳ vọng của Tiểu ban Kiểm toán và HĐQT trong việc đánh giá sự tin cậy và tính hữu hiệu của hệ thống KSNB và QLRR ở cả Sotrans Holding và các công ty thành viên.

Tiểu ban Kiểm toán khuyến nghị HĐQT sớm phê duyệt Điều lệ Kiểm toán nội bộ để làm căn cứ cho các hoạt động KTNB, trong đó có việc củng cố bộ máy, chức năng nhiệm vụ, truyền thông tới các đơn vị liên quan... giúp KTNB hoạt động chuyên nghiệp và hiệu quả trên phạm vi toàn Tập đoàn.

3.4. Các vấn đề khác:

Tùy theo phân công của HĐQT, Tiểu ban Kiểm toán sẽ có kế hoạch cụ thể trong năm 2021 để thực hiện giám sát dịch vụ Kiểm toán độc lập, các vấn đề về tuân thủ pháp lý, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc:**a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích**

Việc chi trả thù lao hàng tháng cho các thành viên được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Tại thời điểm ngày 31/12/2020, Công ty có 05 thành viên HĐQT.

Lương, thưởng, thù lao cho các thành viên HĐQT, Tiểu ban kiểm toán và Tổng Giám đốc như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền (đồng)
1	Trần Tuấn Anh	Chủ tịch HĐQT từ 12/04/2019, Tổng Giám đốc đến 01/07/2020	774.616.200
2	Nguyễn Quốc Thúc	Thành viên HĐQT từ 30/06/2020,	46.200.000
3	Đặng Vũ Thành	Thành viên HĐQT từ 30/06/2020, Tổng Giám đốc từ 01/07/2020	832.276.093
4	Đặng Doãn Kiên	Thành viên HĐQT	112.200.000
5	Đỗ Lê Hùng	Thành viên HĐQT độc lập, Trưởng Tiểu ban kiểm toán (bổ nhiệm từ 27/9/2019)	587.400.000
6	Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên HĐQT đến 30/06/2020	66.000.000
7	Trần Quang Tiến	Thành viên HĐQT đến 12/06/2020	60.500.000

Tổng lương, thưởng, thù lao đã chi cho các thành viên HĐQT, Tiểu ban kiểm toán và Tổng Giám đốc trong năm 2020 là **2.479.192.293** đồng.

b. Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ và người có liên quan:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty TNHH North Star Logistics (có chủ sở hữu là Công ty CP Giao Nhận và Vận chuyển Indo Trần)	Bên có liên quan của Người nội bộ	0	0%	53.819.980	54.776%	Mua tăng số lượng cổ phần sở hữu.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ và người có liên quan:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 ("VICT")	Tổ chức có liên quan	Nhận cổ tức Cung cấp dịch vụ Bán hàng hóa Mua dịch vụ
2	Công ty CP Thiết bị điện Đông Anh	Công ty trong cùng Tập đoàn đến 30/06/2020	Cung cấp dịch vụ
3	Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	Cổ đông lớn	Mua dịch vụ Cung cấp dịch vụ
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	Tổ chức có liên quan	Cung cấp dịch vụ

5	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747	Tổ chức có liên quan	Cung cấp dịch vụ
6	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty luôn chấp hành các quy định về quản trị công ty theo quy định của Nhà nước.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọg tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận thông qua việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt.

Công ty có trụ sở chính tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Tuấn Anh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quốc Thúc	Phó Chủ tịch	bỏ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên	
Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên	
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Bà Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên	từ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên	từ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2020

TIỂU BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Tiểu ban kiểm toán trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Lê Hùng	Trưởng ban	
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Thúc	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên	từ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành	bỏ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2020
Ông Trần Tuấn Anh	từ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành	từ ngày 3 tháng 7 năm 2020
Ông Trần Tuấn Anh	đến ngày 2 tháng 7 năm 2020

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



PHẦN 8

THÔNG TIN TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc



Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61113814-21164298/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 55, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2787-2016-004-1



Ngô Thị Thúy Hòa
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4171-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		898.182.946.540	1.034.943.169.674
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	6	250.395.300.190	247.250.017.595
111	1 Tiền		157.295.500.190	198.550.017.595
112	2 Các khoản tương đương tiền		93.100.000.000	48.900.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		73.515.610.638	289.248.607.517
121	1 Chứng khoán kinh doanh	7.1	663.672.658	130.676.929.364
122	2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	7.1	(121.598.907)	(50.250.802.696)
123	3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.2	72.953.334.987	198.622.480.551
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	8	493.835.069.041	456.497.115.578
131	1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng		402.222.796.471	348.766.147.428
132	2 Trả trước cho người bán ngắn hạn		51.929.622.415	36.616.976.590
136	3 Phải thu ngắn hạn khác		103.719.403.940	119.658.727.907
137	4 Dự phòng phải thu ngắn hạn cho đc.		(64.036.750.845)	(66.938.738.163)
140	IV. Hàng tồn kho	9	59.244.921.385	21.575.478.290
141	1 Hàng tồn kho		59.367.990.675	21.575.478.290
149	2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(143.039.150)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		21.192.045.286	10.371.950.694
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn	10	12.005.093.051	6.624.974.369
152	2 Thuế GTGT được khấu trừ	15	5.448.320.225	731.765.549
153	3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	3.738.632.010	3.015.212.856

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.441.040.244.434	1.240.513.332.574
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.215.387.195	2.062.907.195
215	1. Phải thu dài hạn khác	11	2.215.387.195	2.062.907.195
220	II. Tài sản cố định		758.453.258.176	678.937.071.123
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	699.728.732.498	607.282.295.750
222	Nguyên giá		1.577.553.621.225	1.432.510.393.706
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(877.825.088.729)	(825.228.097.956)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	58.724.525.680	71.654.775.373
225	Nguyên giá		99.517.865.697	111.546.060.707
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(40.793.340.017)	(39.891.285.334)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		12.885.747.788	53.407.033.967
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	12.885.747.788	53.407.033.967
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		570.353.109.567	410.346.468.065
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết	15.1	560.966.639.605	378.281.264.570
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.2	1.629.124.639	1.629.124.639
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.3	7.757.345.323	50.436.078.856
260	V. Tài sản dài hạn khác		97.131.741.708	95.738.952.229
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	23.040.297.498	19.966.401.770
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	19.652.585.054	14.063.082.900
269	3. Lợi thế thương mại	8	54.438.859.156	61.709.467.559
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.339.223.190.974	2.275.456.502.248

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		694.983.892.018	574.618.038.630
310	I. Nợ ngắn hạn		509.016.436.393	458.530.207.552
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	172.566.090.070	188.157.477.186
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	16.877.422.011	2.326.563.213
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	20.292.076.360	16.270.904.691
314	4. Phải trả người lao động		33.345.731.576	31.849.502.004
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		6.190.123.975	6.144.849.865
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	37.489.575.614	38.283.409.823
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	154.980.498.010	145.369.037.810
320	8. Vay ngắn hạn	21	58.793.915.315	22.489.572.495
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.481.003.462	7.638.890.465
330	II. Nợ dài hạn		185.967.455.625	116.087.831.078
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	45.361.432.000	20.655.466.601
338	2. Vay dài hạn	21	129.707.384.821	80.311.130.264
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.3	8.398.631.024	10.683.272.558
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	22	2.500.007.780	4.437.961.655
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.644.239.298.956	1.700.838.463.618
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.644.239.298.956	1.700.838.463.618
411	1. Vốn cổ phần	23.1	982.533.570.000	982.533.570.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		982.533.570.000	982.533.570.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	23.1	(2.033.034.900)	(2.033.034.900)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	23.1	2.710.917.376	2.710.917.376
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.1	577.033.628.141	507.433.563.958
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		504.565.418.576	399.677.341.747
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		72.468.209.565	107.756.222.211
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	24	83.994.218.339	210.193.447.184
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.339.223.190.974	2.275.456.502.248


Trương Quốc Cường
Người lập


Nguyễn Hoàng Giang
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	2.032.048.194.975	1.837.191.529.352
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(159.573.648)	(1.689.864.231)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	2.031.888.621.327	1.835.501.665.121
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26, 29	(1.598.558.917.472)	(1.452.774.500.340)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		433.329.703.855	382.727.164.781
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	24.823.361.865	17.443.951.871
22	7. Chi phí tài chính	27	(65.249.342.276)	(27.365.108.167)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(11.399.605.193)	(8.464.949.595)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	15.1	15.937.279.888	16.555.094.370
25	9. Chi phí bán hàng	28, 29	(108.675.327.970)	(117.834.856.030)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28, 29	(148.783.931.404)	(123.247.197.854)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		151.381.743.958	148.279.048.971
31	12. Thu nhập khác	30	2.149.060.493	5.579.543.491
32	13. Chi phí khác	30	(5.758.642.817)	(1.295.796.251)
40	14. (Lỗ) lợi nhuận khác		(3.609.582.324)	4.283.747.240
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		147.772.161.634	152.562.796.211
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(37.877.686.862)	(33.175.017.169)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31.3	7.874.143.688	3.530.555.641
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		117.768.618.460	122.918.334.683
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		106.636.362.353	107.756.222.211
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	24	11.132.256.107	15.162.112.472
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.4	1.085	1.097
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	23.4		1.097

Trương Quốc Cường
Người lập

Nguyễn Hoàng Giang
Kế toán trưởng

Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 3 năm 2021


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

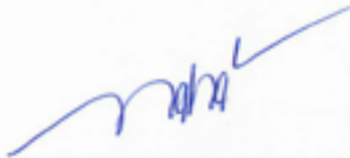
VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		147.772.161.634	152.562.796.211
02	Điều chỉnh cho các khoản:	5, 12, 13	92.441.520.647	83.387.945.816
03	Khấu hao và hao mòn		114.826.107.794	21.319.481.946
04	(Hoàn nhập) liên lập dự phòng (Lãi) lỗ chính sách tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		126.963.218	368.175.479
05	(Lỗ) lãi từ hoạt động đầu tư		15.355.978.600	(35.652.131.815)
06	Chi phí lãi vay và phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	27	11.599.605.193	8.464.949.595
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		252.114.195.072	230.612.691.236
09	Tăng các khoản phải thu		(103.368.629.543)	(61.779.877.183)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(27.812.482.285)	9.305.274.606
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		28.503.770.202	17.225.543.702
12	Tăng chi phí trả trước		(12.233.874.387)	(459.225.532)
13	Giảm (tăng) khoản kinh doanh		130.182.056.826	632.001
14	Tiền lãi vay đã trả		(11.399.605.193)	(8.743.554.427)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19	(26.562.565.795)	(51.617.271.920)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.465.022.935)	(5.221.764.153)
20	Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh		207.837.752.051	148.423.442.630
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(136.906.571.602)	(68.019.039.700)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản		11.923.412.717	3.065.620.657
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và quỹ đầu tư		(2.150.597.339)	(27.046.259.887)
24	Tiền thu về từ ngân hàng có kỳ hạn		150.498.426.716	339.087.426.570
25	Tiền chi đầu tư vào công ty khác		(461.442.842.812)	-
26	Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư vào công ty khác		58.705.823.460	-
27	Tiền thu lãi từ gửi tài trợ và lợi nhuận được chia		63.450.571.352	63.570.422.608
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(277.612.221.488)	99.759.170.495


BÁO CÁO BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	21	412.057.383.162	107.197.099.902
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	21	(326.321.403.933)	(278.786.806.746)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông của công ty mẹ	23.5	-	(11.533.000)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát	24	(12.601.620.079)	(36.996.178.729)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		73.134.359.150	(208.597.418.573)
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		3.359.889.713	39.585.194.552
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		247.250.017.595	207.479.844.102
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(214.607.118)	184.978.941
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	6	250.395.300.190	247.250.017.595


Trương Quốc Cường
Người lập


Nguyễn Hoàng Giang
Kế toán trưởng


Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (Công ty), các công ty con và các công ty liên doanh và liên kết như sau:

Công ty

Công ty tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612/MTCOS do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) cấp ngày 28 tháng 9 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (GCKDKD) đầu tiên của Công ty số 102/83 được Ban Trưng tại Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCKDKD số 410600166 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (SKHĐT) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 6 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2005, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Mọi cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận thông qua việc cấp GCKDKD số 0500540369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCKDKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (SGXHCM) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGXHCM do SGXHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, kinh doanh kho bãi, cảng, nhà xưởng và phòng làm việc xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt; vận tải đa phương thức đa lý tải biển, mớn gô hàng hải; dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan dịch vụ chèo thuyền nhanh, kinh doanh kho ngoại quan CFS (gồm kho bãi, kho bãi, LCD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng của khách và chuyên tải hàng hóa đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Lương Định, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.016 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1.155).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẬP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cơ cấu tổ chức của Vietnam Công ty Bao gồm các (8) công ty con sau đây, trực tiếp và gián tiếp và sau (5) công ty liên doanh, kết với Cơ sở liên kết này như sau:

Công ty con

Tên công ty	Trụ sở chính	Ngành, nghề kinh doanh	Số đầu năm		Số cuối năm	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
(1) Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	100,00	100,00	100,00	100,00
(2) Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietransl-mex	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	93,17	93,17	84,00	84,00
(3) Công ty TNHH Vận tải Việt Sotrans Logistics	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	100,00	100,00	100,00	100,00
(4) Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ cảng	100,00	100,00	100,00	100,00
(5) Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	93,34	93,34	84,40	84,40
(6) Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình	Thành phố Hồ Chí Minh	Công trình xây dựng	00,41	05,15	72,71	05,15
(7) Công ty Cổ phần Bông mồi và Sản phẩm phụ bông mồi Việt Cát Thọ	Thành phố Cần Thơ	Dịch vụ đồng loạt và sản phẩm dệt	05,34	70,00	59,08	70,00
(8) Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	Công trình xây dựng	47,60	51,00	49,04	51,00
(9) Công ty TNHH Sotrans Hạ Tầng	Tỉnh Hà Tĩnh	Vận tải	-	-	100,00	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẬP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo):

Công ty liên doanh có liên kết

Tên công ty	Trụ sở chính	Ngành, nghề kinh doanh	Số đầu năm		Số cuối năm	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
(1) Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (The Pier)	Thành phố Hồ Chí Minh	Bất động sản	50,00	50,00	50,00	50,00
(2) Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Soreco (SORECO)	Thành phố Hồ Chí Minh	Bất động sản	50,00	50,00	50,00	50,00
(3) Công ty Liên doanh Phát triển Tập vận SEI (VICT)	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	34,54	37,00	31,73	37,00
(4) Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam (SOWATUSSER)	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	24,52	26,27	22,17	26,37
(5) Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại (ATI) SOWATICO ECO (747)	Tỉnh Nghệ An	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	45,74	49,00	41,36	49,00
(6) Công ty Cổ phần Cảng Bình Nai (TDN)	Tỉnh Đồng Nai	Dịch vụ cảng	18,90	20,25	-	-
(7) Công ty TNHH Logistics Gefco - Sotrans (L)	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	-	-	74,60	74,60

(*) Vào ngày 1 tháng 10 năm 2020, Tổng Giám đốc Vietnam Công ty đã nhận tài các mục lục pháp lý cần thiết để hoàn tất việc giải thể Gefco - Sotrans Logistics này

* HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 về cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Dot 1)
- Quyết định số 168/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Dot 2)
- Quyết định số 254/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Dot 3)
- Quyết định số 12/2006/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2006 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Dot 4) và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Dot 5)

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và vào sự dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thống kê kế toán tại Việt Nam và hòa nữa không được che đậy tính đầy đủ tính tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thống kê kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và kinh tế khác ngoài Việt Nam

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con

Báo cáo tài chính của công ty con đã được lập đúng kỳ báo cáo với Công ty theo các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty các khoản thu nhập và chi phí các khoản lãi hoặc lỗ ròng chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

* HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 về cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng có tính thanh khoản cao có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa ra sản phẩm đến vị trí và điều kiện bán ra và giá trị thuần có thể thu hồi được. Giá trị thuần có thể thu hồi được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thiện và chi phí bán hàng ước tính

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho chủ yếu bao gồm nguyên vật liệu, hàng hóa và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang với giá trị được xác định là:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp theo phương pháp bình quân gia quyền, chi phí đầu vào được phân bổ theo thực tế đơn giản

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, cầm nắm phải lỗ thời vụ...) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hoặc một khi phát sinh

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giá bán thực thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đồ nội thất gắn cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giá trị thu được từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Thời hạn giá trị của quyền sử dụng đất để được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Trong đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thì nên ghi nhận thuê đất được trích hao mòn theo thời gian trừ với quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 40 năm
Vật móc và thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Trang web	5 năm
Lợi thế quyền thuê đất	2 - 35 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được định khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ tính.

Hiện thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản mua thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 31 tháng 1 năm 2008 và 1 tháng 7 năm 2009 và trả tiền hàng năm. Theo Thông tư số 46/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành vào ngày 26 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết được báo cáo theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được ghi vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất trích học đã được ghi nhận để báo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được tính bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi liên doanh của các quỹ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Lợi nhuận được chia từ cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận vào giá trị khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được áp dụng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất trích học đã được ghi nhận để báo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán, kinh doanh và khoản đầu tư góp vốn.

Dự phòng giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy, có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này, vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí lãi chính tương các các kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư, nếu phát sinh, được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến năng hòa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân thông thường mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng sẽ tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm báo cáo hàng hoặc giảm trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ phần tham toán thực tế cho người lao động.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị hiện tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty có định khoản hàng mua hàng toán và

Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty có liên giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều 6 Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được Minh Bay chia một khóa phần trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được công bố. Hội đồng Quản trị Nhóm Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Lãi trên có phiếu

Lãi cơ bản trên có phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông có hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số có phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên có phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông có hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số có phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số có phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương lai kể cả các cổ phiếu cho thuê Lãi hàng có tác động suy giảm đều được chuyển thành có phiếu phổ thông.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán có trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trong yếu và các quyền sở hữu năng hòa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp về hoàn thành.

Tiền trả

Thu nhập được ghi nhận khi tiền trả phát sinh trên cơ sở đối lịch trừ khi khả năng thu hồi tiền là không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền cụ thể được thu nộp từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế của trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi bằng vào vốn chủ sở hữu trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận theo tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền áp dụng được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại:

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời, được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thời thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời để có khấu trừ, các khoản lỗ thời thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép tại nơi của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngay từ trường hợp thuế thu nhập phải sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đầu vào, cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập liên hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hành trên cơ sở thanh toán hoặc thu nợ tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong cùng kỳ tương lai khi các khoản trong yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu nợ.

3.19 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ riêng biệt một trường nghiệp vụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được tạo ra từ hoạt động cung cấp dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải, kinh doanh thương mại (xăng dầu, nhớt) cơ khí công tác xây dựng và xuất khẩu các đồng trong một khu vực địa lý ở Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá trị hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cùng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và có tầm ảnh hưởng thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, không tính đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

Lợi thế thương mại được xác định ban đầu theo giá gốc là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tầm ảnh hưởng. Nếu giá phí hợp nhất thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được hợp nhất, phần chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phần sở hữu kể về độ phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm là thời gian kỳ vọng lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Nhóm Công ty. Dịch vụ công ty mẹ phải đánh giá tồn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số kỳ thế thương mại bị tồn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phải bỏ theo số kỳ thế thương mại bị tồn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là báo cáo công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

4.1 Mua cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai

Theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 41/2020/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 6 năm 2020, Hội đồng Quản trị Sotrans, công ty con của Công ty, đã thống nhất thông qua kế hoạch mua 3.750.000 cổ phần (tương ứng tỷ lệ 20,25%) của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai ("PDN") với thời hạn thực hiện đến cuối tháng 9 năm 2020 và giao cho Tổng Giám đốc Sotrans thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc mua cổ phần này. Vào ngày 19 tháng 6 năm 2020, Sotrans đã hoàn tất việc mua 3.750.000 cổ phần của PDN với tổng giá trị là 300.300.101.250 VND (Thuyết minh số 15).

4.2 Thanh lý toàn bộ khoản đầu tư vào Cổ phần Công ty MHC

Theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 037/2020/HĐQT ngày 8 tháng 6 năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã thống nhất thông qua kế hoạch thanh lý toàn bộ 9.523.148 cổ phần (tương ứng tỷ lệ 22,99%) của Công ty Cổ phần MHC ("MHC") với thời hạn dự kiến trong tháng 6 năm 2020 và giao Tổng Giám đốc Nhóm Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc thanh lý cổ phần này. Vào ngày 19 tháng 6 năm 2020, Nhóm Công ty đã hoàn tất thanh lý toàn bộ cổ phần của MHC với giá trị là 35.157.623.480 VND. Theo đó, Nhóm Công ty đã ghi nhận lỗ từ thanh lý khoản đầu tư với số tiền là 52.444.182.620 VND (Thuyết minh số 26.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.3 Thanh lý toàn bộ khoản đầu tư vào Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh

Theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 006/2020/STG-NQ-HĐQT ngày 14 tháng 8 năm 2020, Hội đồng Quản trị Nhóm Công ty đã thống nhất thông qua kế hoạch thanh lý toàn bộ vốn điều lệ là 26.740.000.000 đồng của Công ty TNHH MTV Sotrans Hà Tĩnh ("Sotrans Hà Tĩnh") với thời hạn dự kiến đến hết quý 3 năm 2020 và giao cho Ban điều hành Nhóm Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc thoái vốn này. Vào ngày 2 tháng 10 năm 2020, Nhóm Công ty đã hoá giải thành lý toàn bộ vốn điều lệ của Sotrans Hà Tĩnh với giá trị là 50.515.000.000 VND. Theo đó, Nhóm Công ty đã ghi nhận là từ thanh lý khoản đầu tư với số tiền là 2.377.155.118 VND (Tuyệt đối số 2).

4.4 Mua thêm cổ phần vào công ty con của Nhóm Công ty

a) Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstlmex ("VTX")

Trong năm, Nhóm Công ty đã mua thêm 1.938.046 cổ phiếu phổ thông của VTX với giá trị là 38.870.541.562 VND, tương đương 9,17% vốn cổ phần của VTX. Theo đó, Nhóm Công ty đã nâng tỷ lệ sở hữu tại VTX từ 84,00% đến 93,17%.

b) Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Sowatco")

Trong năm, Nhóm Công ty đã mua thêm 6.000.000 cổ phiếu phổ thông của Sowatco với giá trị là 108.162.000.000 VND, tương đương 9,94% vốn cổ phần của Sowatco. Theo đó, Nhóm Công ty đã nâng tỷ lệ sở hữu tại Sowatco từ 84,40% đến 93,34%.

c) Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam ("Cảng Miền Nam")

Trong năm, Nhóm Công ty đã mua thêm 980.000 cổ phiếu phổ thông của Cảng Miền Nam với giá trị là 12.740.000.000 VND, tương đương 5,1% vốn cổ phần của Cảng Miền Nam. Theo đó, Nhóm Công ty đã nâng tỷ lệ sở hữu tại Cảng Miền Nam từ 51% đến 100%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. LỢI THẺ THƯƠNG MẠI

Lợi thẻ thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian 10 năm kể từ ngày mua. Giá trị phân bổ hàng năm và giá trị phân bổ lũy kế vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được trình bày như sau:

	Sowatco	Vietranstlmex	VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	77.508.081.610	74.938.507.386	102.505.683.996
Phân bổ lũy kế			
Số đầu năm	(29.088.405.904)	(8.727.810.836)	(37.816.216.440)
Phân bổ trong năm	(7.756.908.160)	(2.493.690.240)	(10.250.598.400)
Số cuối năm	(36.845.314.064)	(11.221.471.076)	(48.066.784.640)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	48.420.676.006	18.205.791.550	64.658.487.556
Số cuối năm	40.723.767.846	13.715.131.310	54.438.899.156

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.777.370.096	6.268.912.703
Tiền gửi ngân hàng	152.517.920.194	192.094.104.892
Các khoản tương đương tiền (*)	93.100.000.000	48.000.000.000
TỔNG CỘNG	250.395.300.190	247.250.017.595

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hướng đi suất theo là suất tiền gửi từ 2%/năm đến 3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGANH HẠN

7.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý	
Chứng khoán niêm yết	127.872.558	(121.596.907)	5.270.601	127.872.558	1.069.660
Trong đó:					
Công ty Cổ phần Sincro Sông Đà	126.752.447	(120.949.847)	5.802.000	126.752.447	5.392.960
Chứng khoán khác	1.120.111	(847.000)	473.051	1.120.111	597.070
Chứng khoán chưa niêm yết	556.000.000	-	688.521.739	556.000.000	556.000.000
Trong đó:					
Tổng Công ty Cổ phần Thương Mại	556.000.000	-	688.521.739	556.000.000	556.000.000
Ưt thác đầu tư	-	-	-	(30.130.000.000)	(30.662.000.000)
Chứng chỉ quỹ	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
TỔNG CỘNG	683.872.558	(121.596.907)	694.797.390	(30.260.802.698)	100.625.126.686

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGANH HẠN (tiếp theo)

7.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn tại	72.953.334.987	71.722.165.495
Cầu tư trái phiếu:	-	126.507.312.336
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Đào tạo Việt An	-	101.829.394.536
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường Eco & More	-	25.077.917.800
TỔNG CỘNG	72.953.334.987	198.623.480.831

(i) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn dưới hai (2) tháng và thường trả lãi theo lãi suất đặc biệt từ 5,7% trở lên đến 4% năm. Trong đó, Nhóm Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Chi nhánh Phạm Ngọc Thạch có số tiền là 50.000.000.000 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 22.3).

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGANH HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Phải thu các bên liên quan		
(Thuyết minh số 12)		
Công ty TNHH Pacific Việt Nam	51.885.379.347	24.559.294.306
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng Sài Gòn	55.752.054.896	• 250.198.803
Cải Mập	17.778.786.150	15.869.670.000
Khách hàng khác	295.607.071.263	305.105.896.320
	402.222.790.471	346.765.147.428
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Vớt thành v.Đ	8.773.817.814	5.775.517.814
Thương mại Xây dựng Cẩm Anh	0.467.195.476	-
Shangcong Titan Vehicle Co., Ltd	56.695.605.435	25.043.180.782
Người bán khác	51.929.622.475	58.818.978.356
	117.866.641.730	119.637.677.952
Phải thu ngắn hạn khác		
Phí vận chuyển trả nợ	49.697.491.828	36.421.071.300
Tạm ứng cho nhân viên	58.551.834.086	39.692.200.269
Kỳ quỹ ngắn hạn	6.658.480.902	16.294.538.352
Phải thu về bản tương bảo hiểm xã hội của thuyền viên lữ khách đi lại	3.750.109.705	6.132.292.514
Phải thu đi hoạt động ủy thác đầu tư và kỳ quỹ	2.602.150.820	12.044.010.809
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	1.542.328.196	2.847.525.176
Phải thu ngắn hạn khác	1.417.208.803	6.422.319.827
	103.719.403.940	119.253.727.007
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (i)	(84.036.750.845)	(48.938.736.193)
GIÁ TRỊ THUẬN	493.835.069.041	456.497.115.578

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tài trợ hình thành (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	46.936.736.153	41.457.146.140
Từ phòng trừ áp trong năm	20.271.557.088	5.558.554.013
Liên nhập dự phòng trong năm	(3.173.544.406)	(76.974.000)
Số cuối năm	64.035.750.845	46.939.736.153

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kết doanh dở dang	45.356.842.107	7.729.026.030
Nguyên liệu, vật liệu	11.033.661.017	10.952.422.182
Hàng mua đang đi trên đường	1.711.541.025	507.465.465
Hàng hóa	617.506.778	2.033.610.055
Công cụ dụng cụ	473.209.518	342.645.516
TỔNG CỘNG	59.387.960.575	21.575.478.290
Từ phòng giảm giá hàng tồn kho	(143.039.190)	-
GIÁ TRỊ THUẬN	59.244.921.385	21.575.478.290

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	12.005.093.051	5.824.874.389
Phí bảo hiểm	5.936.622.723	-
Công cụ dụng cụ	3.068.255.704	3.457.734.646
Phí cầu đường	1.160.640.457	119.611.538
Khác	1.839.534.167	2.207.725.005
Dài hạn	23.040.257.498	16.986.401.773
Công cụ dụng cụ	2.006.104.213	5.751.351.333
Chi phí thuê đất và nhà kho	7.311.766.429	2.463.515.647
Chi phí sửa chữa vận chuyển	3.813.706.950	3.409.634.997
Phí tư vấn tại đầu mối doanh nghiệp	2.262.254.750	2.922.626.750
Khác	1.674.429.159	2.458.775.046
TỔNG CỘNG	35.045.350.549	22.811.376.162

11. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đặt cọc dài hạn	2.188.937.195	2.056.457.195
Khác	28.452.000	28.450.000
TỔNG CỘNG	2.215.387.195	2.082.907.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CƠ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND		VND	
	Năm nay	Năm trước	Trong đó: Tài sản hữu hình	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	553.026.322.185	115.259.999.298	5.259.051.887	1.438.610.353.706
Điều kỳ xây dựng cơ bản hoặc hoàn	87.800.439.503	4.936.906.000	-	102.876.970.608
Phân loại lại	(1.000.550.200)	(176.923.900)	279.574.100	-
Mua trong năm	1.953.611.030	332.340.000	1.127.810.000	67.334.812.638
Thanh lý trong năm	(2.925.677.152)	(716.196.739)	(75.972.705)	(21.828.249.359)
Giảm cơ bản và công ty con	-	(23.036.939.045)	(1.302.317.213)	(24.341.046.258)
Số cuối năm	536.357.103.265	96.560.255.554	6.591.122.285	1.577.355.921.225
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	43.612.793.253	46.621.819.872	2.386.622.203	577.220.546.399
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	(1.619.903.731.910)	(60.313.756.074)	(3.746.601.171)	(926.272.037.928)
Khấu hao trong năm	125.199.909.300	(10.616.756.075)	(862.477.894)	(81.466.997.584)
Phân loại lại	100.862.700	176.923.900	(279.574.100)	-
Thanh lý trong năm	(312.121.205)	(716.196.739)	(75.972.705)	(16.634.025.650)
Giảm cơ bản và công ty con	-	(12.238.858.010)	(217.352.588)	(13.456.920.638)
Số cuối năm	(1.209.340.629.501)	(63.654.389.432)	(4.434.970.409)	(987.162.086.729)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	277.036.057.265	54.946.117.274	2.010.760.870	607.282.295.780
Số cuối năm	328.116.215.864	39.505.757.124	2.150.157.516	609.176.152.406
Trong đó:				
Tư nhân để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn (Toàn bộ hình số 01)	-	-	-	151.562.144.046

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Loại thẻ quyền thuê đất	VND Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	61.566.260.290	5.867.847.573	38.090.692.644	111.545.060.607
Thành lập trong năm	(12.227.190.070)	-	-	(12.227.190.070)
Số cuối năm	49.339.069.220	5.867.847.573	38.090.692.644	99.317.860.697
Trọng số				
Đã mua mới	2.437.458.229	-	-	2.437.458.229
Giá trị hao mòn (Dy kế)				
Số đầu năm	-	(2.529.184.211)	(59.360.227.192)	(29.889.565.964)
Hao mòn trong năm	-	(651.211.298)	(52.443.285)	(705.956.933)
Số cuối năm	-	(4.180.395.509)	(49.817.944.536)	(49.817.944.536)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	61.566.260.290	2.368.663.362	1.300.631.991	71.665.675.943
Số cuối năm	49.339.069.220	1.707.252.064	1.676.199.306	56.724.525.690
Trọng số				
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 21.1)	10.078.127.692	-	-	10.078.127.692

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DƯ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Sửa chữa vận phòng và nhà kho	11.841.722.345	2.847.435.270	
Máy móc và phương tiện vận chuyển đang lắp đặt	305.476.099	8.063.670.548	
Mạng cáp quang Long Bình	-	34.840.252.166	
Khác	741.609.341	7.645.775.961	
TỔNG CỘNG	12.886.747.788	53.407.033.962	

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

15.1 Đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết

Công ty liên doanh và liên kết	Giá trị đầu tư			
	Tỷ lệ sở hữu %	Số cuối năm VND	Tỷ lệ sở hữu %	Số đầu năm VND
PDV	18,90	317.719.987.077	-	-
VICT	54,54	220.128.712.810	51,29	248.679.076.687
VHC	-	-	23,00	139.588.967.300
The Pico	60,00	9.970.102.456	50,00	5.911.430.490
SORECO	50,00	9.925.989.610	50,00	9.926.994.341
SOWATODECR	24,49	3.221.706.652	22,17	3.214.776.746
TỔNG CỘNG		560.966.639.605		378.281.264.570

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết (tiếp theo)

Cả hai khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

	MHG	SORECO	TNA-PH	SOMATCO -600747	SOMATCOSEER	SGT	PCN	Tổng cộng
Giá trị đầu tư								VND
Số đầu năm	94.533.439.076	19.300.000.000	10.030.000.000	3.087.345.400	3.039.290.000	159.730.413.476	-	270.680.193.354
Tăng / giảm năm	394.533.700.970	-	-	-	-	-	300.390.101.752	300.307.191.252
Số cuối năm	-	19.300.000.000	10.030.000.000	3.087.345.400	3.039.290.000	159.730.413.476	300.390.101.752	412.651.014.576
Số đầu năm	14.055.237.225	173.305.6579	122.569.335	12.561.346.400	175.636.745	50.242.261,211	-	171.416.161.216
Phân chia lợi nhuận / trong năm	17.953.931.200	11.304.7319	1.167.025	-	7.365.507	16.481.627.122	17.419.656.927	15.057.279.669
Cả hai được chia Tỷ lệ %	3.561.185,975	-	-	-	-	32.590.200,000	-	247.670.000,000
Số cuối năm	-	174.610.3869	123.736.360	12.561.346.400	183.002.247	86.732.861,211	17.419.656.927	178.335.150,079
Giá trị vốn lự								
Số đầu năm	109.285.947.503	9.925.994.344	9.971.470.494	-	3.214.776.749	246.679.075.687	-	378.267.264.677
Số cuối năm	-	9.925.994.619	9.971.470.494	-	3.221.760.652	253.126.177.610	317.119.587.277	600.306.639.605

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Giá gốc khoản đầu tư	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu
Công ty TNHH Liên doanh BNX - viettrans mex	910.000.000	51	816.000.000	51
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước	440.000.000	0,05	440.000.000	0,05
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động và Dịch vụ Vận tải thủy Miền Nam	373.124.039	0,002	373.124.639	0,002
TỔNG CỘNG	1.629.124.639		1.629.124.639	

15.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có thời hạn còn lại trên mười hai (12) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 4,5%/năm đến 5,2%/năm

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Việt thanh viên Hạnh Minh Quang	10.077.353.500	9.057.672.100
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Liêm Phạm	9.455.106.736	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Long Thành Phát	8.671.323.948	4.076.210.000
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	980.604.677	558.289.250
Khác	143.521.661.009	174.454.769.836
TỔNG CỘNG	172.566.090.070	188.157.477.186

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần SGI F&O	12.834.976.900	-
Khác	4.343.349.111	2.326.563.213
TỔNG CỘNG	16.877.422.011	2.326.563.213

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VNĐ			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	731.703.649	52.728.467.960	(48.011.911.384)	5.448.220.225
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.621.647.860	-	(67.564.980)	2.554.082.880
Thuế thu nhập cá nhân	1.109.516	-	(171.091.516)	-
Thuế nhà đất	1.027.473.261	37.116.283.403	(31.953.207.674)	1.164.549.110
TỔNG CỘNG	4.546.976.305	84.843.751.363	(80.203.775.433)	9.186.952.235
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	8.267.749.661	95.590.047.015	(95.747.965.664)	10.090.830.352
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.571.312.706	37.877.886.262	(36.632.365.795)	7.916.643.773
Thuế thu nhập cá nhân	1.431.842.004	8.705.626.292	(7.894.269.058)	2.243.199.238
Thuế khác	-	6.195.024.435	(6.167.619.416)	32.218.019
TỔNG CỘNG	16.270.904.691	148.368.396.602	(144.342.224.933)	20.292.076.360

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGAN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thu nhập từ hỗ trợ di dời (*)	39.050.698.364	39.050.698.364
Khác	1.438.977.250	2.232.611.459
TỔNG CỘNG	37.489.575.614	38.283.409.823

(*) Đây là khoản thu nhập từ hỗ trợ di dời chưa thực hiện theo các Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giữ phòng và bàn giao các khu đất tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, 1B Hoàng Đức và 117A Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	154.980.498.010	145.369.037.810
Hàn tam ủng hộ trợ di dời	40.000.000.000	40.000.000.000
Nhận tạm ủng hộ thanh lý các khoản đầu tư (*)	39.940.000.000	39.940.000.000
Phải trả cho thuyền viên	16.064.027.932	15.109.354.667
Kỳ trước kỳ cuối	10.504.408.833	5.026.870.637
Cổ tức công bố	10.370.468.778	-
Thu hộ	4.882.648.128	11.751.324.469
Khác	34.246.144.281	55.502.499.017
Dài hạn	45.361.432.000	20.655.466.601
Nhận đặt cọc từ Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (*)	30.000.000.000	-
Nhận ký quỹ - kỳ trước khác	14.215.600.000	19.973.700.000
Khác	1.146.632.000	681.766.601
TỔNG CỘNG	200.341.930.010	166.024.504.411
Trung độ		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	40.216.000.000	40.216.559.500
Phải trả Công ty Cổ phần Phát triển và Tư vấn Địa ốc H.C	39.940.000.000	39.940.000.000
Phải trả các bên khác	119.585.930.010	85.267.971.911

(*) Đây là các khoản nhận tạm ủng hộ trợ di dời từ SORFICO theo Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giữ phòng và bàn giao các khu đất tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

(**) Đây là các khoản nhận tạm ủng hộ trợ di dời từ Công ty Cổ phần Phát triển và Tư vấn Địa ốc H.C theo Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư số 21/2018/HĐHTĐRFFICO&SOTRANS về việc chuyển nhượng cổ phần của The Pinnacle Nhóm Công ty đang nắm giữ.

(***) Đây là khoản nhận đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam và Nhóm Công ty cùng phối hợp trên địa điểm công việc, thu tiền có liên quan công khai duy trì quyền và lợi ích đối với Quyền Tài sản tại số 15 Hoàng Đức, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, số 117A Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và số 02B, Đường 13, Phường Long Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

21. VAY

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	58.793.915.315	22.489.572.495
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh 21.1)	45.892.214.500	15.358.357.318
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21.2)	12.901.700.815	7.131.215.177
Vay dài hạn	129.707.384.821	80.311.130.264
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh 21.2)	129.707.384.821	80.311.130.264
TỔNG CỘNG	188.501.300.136	102.800.702.759

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

Tình hình tăng/giảm các khoản vay như sau:

	VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Số đầu năm	22.489.572.495	90.311.150.264	112.800.722.759
Tăng do mở đi vay ngắn hạn	344.633.210.012	87.624.175.150	432.257.385.162
Vay dài hạn đến hạn trả	(2.901.700.512)	(12.901.700.812)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(35.391.852)	(35.391.852)
Tiền chi trả nợ gốc vay	(321.130.566.005)	(5.192.835.526)	(326.321.403.833)
Số cuối năm	58.793.915.315	129.707.384.821	188.501.300.136

21.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Nhóm Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích tài trợ cho cấu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Hồ Chí Minh	45.892.214.502	Ngày 24 tháng 2 năm 2021 - Ngày 31 tháng 12 năm 2021	5,5 - 7,0	Quyền sử dụng đất (Thuyết minh số 12)

21.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Nhóm Công ty có các khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm mục đích tài trợ cho cấu vốn lưu động và các khoản vay dài hạn theo các hiệp định tài trợ khung (Hiệp định vay số 2813-VIE và số 2614-VL) giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) nhằm mục đích hỗ trợ tài chính cho Chương trình Cải cách Quản lý Doanh nghiệp Nhà nước và Hỗ trợ quản lý công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Vay dài hạn từ ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm		Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
	VND	USD			
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	47.535.405.818	2.047.768	Ngày 15 tháng 6 năm 2021 - Ngày 16 tháng 1 năm 2024	1,5	Phương tiện vật tư và giá trị còn lại là 3.189.706.877 VND (Thuyết minh số 12)
Hiệp định vay các Nghiệp vụ Thương mại (Khoản vay OCR 17)	5.896.560.000	252.758	Ngày 15 tháng 5 năm 2021 - Ngày 15 tháng 1 năm 2021	1,0	Va khoản tiền gửi có kỳ hạn 50.000.000 VND (Thuyết minh số 7.2)
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	28.285.801.207	-	Ngày 25 tháng 3 năm 2021 - Ngày 25 tháng 12 năm 2025	9,0	Phương tiện vật tư và giá trị còn lại là 45.656.641.652 VND và 49.170.200.014 VND (Thuyết minh số 12)
Ngân hàng TMCP Ngân hàng Thương mại Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	20.098.216.277	-	Ngày 24 tháng 1 năm 2021 - Ngày 20 tháng 9 năm 2021	9,0	Phương tiện vật tư và giá trị còn lại là 41.574.869.279 VND (Thuyết minh số 12)
Tài trợ cho đầu tư xây dựng cầu đường và các công trình	14.108.089.973	-	Ngày 21 tháng 1 năm 2025 - Ngày 26 tháng 5 năm 2025	8,9	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền (Thuyết minh số 12)
TỔNG CỘNG	142.609.085.534				
Trong đó:					
Vay ngắn hạn	129.707.384.821				
Vay dài hạn	12.901.700.512				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẬP (tếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY (tếp theo)

21.1. Vay dài hạn từ ngân hàng (tếp theo)

Theo Hiệp định vay dài hạn ngày 9 tháng 10 năm 2019 giữa Bộ Tài chính (BTC) và Nhóm Công ty BTC sẽ cho Nhóm Công ty vay là các khoản vay mà BTC vay được từ ADB theo những điều kiện và điều khoản được ADB nhất thuận chi tiết như sau:

(1) Khoản vay OCR theo Hiệp định vay số 2613-VIE được sử dụng để tài trợ cho các dự án tại các nước là chính và là các quốc gia thành viên của Nhóm Công ty. Khoản vay được hoàn trả sau 26 năm với lãi suất LIBOR cộng với chênh lệch là 3% (trong thời điểm là ADB tháng báo cáo đầu và gốc được gốc được thanh toán hàng kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 bắt đầu từ ngày 15 tháng 5 năm 2019 đến ngày 15 tháng 5 năm 2041 năm 2024.

(2) Khoản vay ADF theo Hiệp định vay số 2614-VIE được sử dụng để tài trợ cho các dự án tại các nước là chính và là các quốc gia thành viên của Nhóm Công ty. Khoản vay được hoàn trả sau 32 năm với lãi suất LIBOR cộng với chênh lệch là 3% (trong thời gian ân hạn) và 1% (trong thời gian ân hạn) và gốc được thanh toán hàng kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 bắt đầu từ ngày 15 tháng 5 năm 2019 đến ngày 15 tháng 5 năm 2041 năm 2041.

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Các phòng trừ dài hạn để bù đắp chi phí trên mức của khoản tín dụng cấp phát thực tế cho nhân viên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẬP (tếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VON CHỦ SỞ HỮU

23.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Năm trước	Số đầu năm	Số vốn bổ sung	Thặng dư vốn cổ phần	Dự đầu tư cuối năm	Lợi nhuận sau thuế chưa chia phần	Tổng cộng	VND
	654.370.780.000	(2.053.034.900)	2.710.917.376	507.593.070.472	107.795.222.211	1.390.552.742.069	
	126.154.780.000	-	-	1128.154.780.000	(6.060.872.278)	(6.060.872.278)	
	-	-	-	(1.606.379.512)	162.302.125	(1.444.077.387)	
	654.370.780.000	(2.053.034.900)	2.710.917.376	507.593.070.472	107.795.222.211	1.390.552.742.069	
Năm nay	662.533.570.000	(2.053.034.900)	2.710.917.376	507.433.592.958	106.939.352.293	1.380.633.465.524	
	-	-	-	(1.606.379.512)	162.302.125	(1.444.077.387)	
	-	-	-	(1.606.379.512)	162.302.125	(1.444.077.387)	
	662.533.570.000	(2.053.034.900)	2.710.917.376	507.433.592.958	106.939.352.293	1.380.633.465.524	

TI LUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2. Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng cổ phần	Giá trị VND/1000	% số cổ phần	Số lượng cổ phần	Giá trị VND/1000	% số cổ phần
Công ty TNHH North Star Logistics	55.819.980	559.198.800	54,75	53.818.980	538.199.800	54,78
Công ty Cổ phần Giao nhận và vận chuyển biển Việt	41.234.827	412.348.270	41,97	41.054.267	410.542.870	41,78
Cổ đông khác	5.198.580	51.995.500	5,28	3.278.110	32.791.100	3,44
TỔNG CỘNG	98.253.357	982.533.570	100	98.253.357	982.533.570	100

23.3. Cổ phiếu

	Số cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	98.253.357	98.253.357
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	98.253.357	98.253.357

Giá trị giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền bầu cử và tức do Nhóm Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23.4. Lợi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Năm nay	Năm trước
Giá trị thuần sau thuế của công ty mẹ (VND)	108.838.382.353	107.758.222.211
Giá trị thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông ưu đãi cổ phiếu phổ thông (VND)	108.838.382.353	107.758.222.211
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	98.253.357	98.253.357
Lãi trên cổ phiếu (VND):		
- Lãi cơ bản	1.025	1.037
- Lãi suy giảm	1.025	1.037

Nhóm Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng trong năm và vào ngày kết thúc năm tài chính.

23.5. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong năm	-	11.533.000
Cổ tức đã trả trong năm	-	11.533.000

TI LUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	210.193.447.184	232.598.800.258
Lợi nhuận trong năm	11.132.256.107	15.162.112.412
Tặng vốn góp vào công ty con	(124.541.214.322)	-
Cổ tức công bố	(12.601.623.019)	(56.956.178.129)
Các khoản khác	(188.850.551)	(572.286.797)
Số cuối năm	83.994.218.339	210.193.447.184

25. DOANH THU

25.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	2.032.048.194.875	1.837.191.529.352
Trong đó:		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.927.735.630.578	1.844.161.419.611
- Doanh thu bán hàng hóa	104.167.930.940	193.030.169.941
Giảm trừ:		
- Giảm trừ doanh thu	(159.573.648)	(1.629.864.221)
Doanh thu thuần	2.031.888.621.327	1.835.501.665.121
Trong đó:		
- Doanh thu đối với các bên liên quan	40.832.278.578	77.959.273.931
- Doanh thu đối với không liên quan	1.991.256.344.749	1.758.463.391.190

25.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ ủy thác đầu tư	15.250.912.914	8.471.999.738
Lãi tiền gửi	1.181.793.958	7.656.431.012
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	2.377.166.115	370.239.684
Lãi trái phiếu	970.739.730	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	120.868.158	757.473.859
Cổ tức từ doanh nghiệp con	67.970.480	561.992.000
Khác	225.921.507	106.815.620
TỔNG CỘNG	24.823.361.865	17.443.951.871

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.476.849.793.254	1.279.100.995.270
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.217.121.154.118	1.777.663.635.070
TỔNG CỘNG	1.598.558.917.472	1.452.774.500.340

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	52.501.764.358	644.932.000
Chi phí lãi vay	11.999.605.193	8.464.949.593
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.138.958.632	612.775.512
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	794.709	16.465.255.110
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	341.600.005
Khác	208.221.884	847.688.145
TỔNG CỘNG	65.249.342.276	27.365.108.167

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	108.675.327.970	117.834.856.030
Chi phí nhân viên	63.827.289.207	57.102.581.804
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.045.100.094	29.677.272.813
Chi phí bán hàng khác	18.802.938.669	31.054.721.613
Chi phí quản lý doanh nghiệp	148.763.931.404	123.247.197.854
Chi phí nhân viên	77.920.828.625	75.105.644.032
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.559.578.570	17.181.663.465
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	17.402.454.432	5.605.307.418
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại (thuyết minh số 5)	10.250.668.400	10.250.668.400
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	21.950.401.477	15.103.814.551
TỔNG CỘNG	257.459.259.374	241.082.053.884

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.266.819.576.251	1.110.568.890.035
Chi phí nhân viên	251.305.684.854	211.351.551.987
Hàng hóa, nguyên vật liệu	129.416.693.827	253.198.815.590
Chi phí khấu hao và hao mòn	91.674.967.790	73.137.377.419
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại (thuyết minh số 5)	10.250.668.400	10.250.668.400
Chi phí khác	67.651.515.724	55.849.188.786
TỔNG CỘNG	1.856.018.176.846	1.693.856.554.224

30. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	2.149.060.493	5.579.543.491
Tiền phát thu được	1.668.871.554	966.795.002
Lợi nhuận từ thanh lý tài sản cố định	-	3.088.820.637
Khác	467.188.920	1.547.127.552
Chi phí khác	(5.758.842.817)	(1.295.796.251)
Chi phí nộp phạt	(2.670.228.825)	(168.653.189)
Lãi do thanh lý tài sản cố định	(2.592.098.880)	-
Chi phí khác	(256.521.142)	(1.125.933.052)
(LỢI) LỖI NHUẬN KHÁC	(3.609.582.324)	4.283.747.240

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) bằng 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau, có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được tính bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí TNDN

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN năm nay	34.440.927.550	32.984.738.197
Điều chỉnh thuế TNDN trích theo từ các năm trước	3.436.159.312	190.218.912
Chi phí thuế TNDN hiện hành	37.877.086.862	33.175.017.109
Thu nhập thuế TNDN hoàn lại	(7.674.143.688)	(5.550.505.841)
TỔNG CỘNG	30.083.543.174	28.644.461.528

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.1 Chi phí TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là độ chi tiết của chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	147.772.161.634	152.562.796.211
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	29.554.423.227	30.512.559.242
Các khoản điều chỉnh		
Phân bổ lợi thế thương mại	2.050.113.680	2.050.113.680
Chi phí không được trừ	(1.295.406.985)	(952.421.581)
Lỗi do thanh lý khoản đầu tư	(1.124.169.819)	-
Lỗi phân bổ thuế hoãn lại	49.221.641	-
Phân bổ tư công ty liên kết	(3.157.455.977)	(3.311.016.574)
Thuế TNDN được miễn	(659.303.293)	(608.005.454)
Hưu chế ưu đãi theo Nghị số 114/2020/NĐ-CP	(1.313.662.232)	-
Cổ tức nhận được	(17.509.690)	(19.697.500)
Khác	100.000.000	99.100.101
Thuế TNDN sau điều chỉnh	26.566.793.962	29.454.162.556
Điều chỉnh thuế TNDN thiếu trong các năm trước	5.436.759.216	190.279.972
Chi phí thuế TNDN	30.003.543.174	29.644.461.528

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau

	VND			
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa thực hiện	12.865.769.421	7.639.102.939	5.227.668.480	-
Chi phí phải trả	404.244.027	333.723.620	65.520.407	12.704.045
Dự phòng trợ cấp thôi việc	500.031.556	767.592.531	(267.690.775)	(125.062.236)
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(733.142.175)	(712.269.800)	(20.872.295)	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	6.026.000.000	(6.026.000.000)	3.290.000.000
Lãi trích trước từ tài khoản ủy thác	-	(62.700.066)	62.700.066	267.163.134
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(71.041.663)	(71.041.663)	-	-
Khấu hao	210.879.629	137.877.605	73.002.020	73.002.020
Lỗi do việc định giá là tài sản	(8.398.631.024)	(10.683.272.558)	2.284.641.534	10.488.676
Lỗi do thuế chuyển sang năm sau	6.474.874.249	-	6.474.874.249	-
TỔNG CỘNG	11.253.954.030	3.379.810.342	7.874.143.688	3.530.555.641
Trong đó:				
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	19.652.585.054	14.063.282.950		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(8.398.631.024)	(10.683.272.558)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.4 Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận (tiếp theo):

Lỗi chuyển sang các năm sau

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản ô nhiễm thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm lên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 32.374.371.245 VND (31 tháng 12 năm 2019: 0 VND); có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Cơ chế chuyển lỗ đến năm	VND		
		Lỗ thời thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2020	Còn lại chuyển lỗ đến ngày 31/12/2020
2020	2025 (*)	32.374.371.245		32.374.371.245

(*) Lỗ thời thuế mức tối thiểu là khai thuế của Nhóm Công ty cho năm tài chính này chưa được cơ quan thuế đưa phương quyết toán vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
Giao dịch trong nội bộ của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm này và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mô quan hệ	Nhà cung ứng dịch vụ	Năm này	Năm trước
Công ty Liên doanh Phát triển Tếp vận (VICT)	Công ty liên kết	Nhận cổ tức Cung cấp dịch vụ Bán hàng hóa	47.920.000.000 37.820.848.788 2.711.827.790	47.980.000.000 44.332.444.520 3.064.957.430
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Đông Anh	Công ty trong cùng Tập đoàn đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	Mua dịch vụ	635.189.800	1.441.216.076
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Inco Trans	Công ty mẹ từ ngày 1 tháng 7 năm 2020	Mua dịch vụ	19.159.676.363	26.395.806.031
			447.662.618	12.180.487.878

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (bếp tiếp)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Khuyến phát chủ và nhà tài trợ các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm báo gồm

Các bên liên quan	Mô hình mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Trệt bi Điện Đông An	Công ty trong cùng lập đoàn đến ngày 30 tháng 9 năm 2020	18.855.971.400	10.090.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 347	Công ty liên kết	5.453.918.325	6.463.918.325
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận số 1	Công ty liên kết	5.388.933.392	4.276.200.233
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Công nghệ Đường sắt Miền Nam	Công ty liên kết	551.269.155	504.867.075
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ đến ngày 30 tháng 9 năm 2020	325.787.070	3.285.262.069
		31.885.379.342	24.559.294.305
Phải thu ngắn hạn khác			
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ đến ngày 30 tháng 9 năm 2020	1.479.038.158	2.953.365.178
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển hàng Trans	Công ty mẹ	122.290.000	
Công ty TNHH Thiết bị Điện Geax	Công ty trong cùng lập đoàn đến ngày 30 tháng 9 năm 2020	-	453.860.000
		1.542.328.158	2.847.325.178

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Khuyến phát chủ và nhà tài trợ các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm này và năm trước bao gồm (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mô hình mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nhà cung cấp ngắn hạn			
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ đến ngày 30 tháng 9 năm 2020	671.232.877	-
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển hàng Trans	Công ty mẹ	9.372.000	589.295.250
		880.604.877	589.295.250
Phải trả ngắn hạn khác			
SOHLCO	Công ty liên doanh	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH Liên danh BNX - Vietra-simex	Bên liên quan	610.000.000	815.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển hàng Trans	Công ty mẹ		6.332.500
		40.816.000.000	40.822.532.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Lương thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Ông Đặng Vũ Thành	832.276.093	57.400.000
Ông Trần Tuấn Anh	774.616.200	1.057.714.358
Ông Đỗ Lê Hùng	667.400.000	177.520.000
Ông Đặng Đoàn Kiên	112.200.000	131.000.000
Bà Đỗ Thị Phương Lan	66.000.000	131.000.000
Ông Trần Quang Tiến	60.500.000	444.040.521
Ông Nguyễn Quốc Thuận	46.200.000	-
Ông Nguyễn Văn Tuấn	-	56.100.000
Ông Đỗ Hoàng Phương	-	57.400.000
Ông Lê Bá Thọ	-	37.400.000
TỔNG CỘNG	2.479.192.293	2.119.374.877

33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TĂNG

Các cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được tính bày như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	24.820.791.073	86.010.670.605
Từ 1 đến 5 năm	25.748.930.640	115.752.223.626
Trên 5 năm	65.100.107.590	25.241.221.196
TỔNG CỘNG	137.272.869.203	228.039.115.339

Kiến tụng

Vào ngày 23 tháng 1 năm 2019, Tòa án Nhân dân Quận 4 đang thụ lý vụ kiện trong đó một công ty bất thành đã khởi kiện Nhóm Công ty về việc hoàn trả tên bảo hiểm mà công ty bảo hiểm này đã đặt bù cho một khách hàng lên quan đến vụ cháy tại Kho Quận 4 của Công ty vào ngày 25 tháng 8 năm 2017 với số tiền là 11.781.873.242 VNĐ. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc ty đang trong quá trình chuẩn bị cho việc kết tụng và kết quả vụ kiện chưa thể xác định được một cách đáng tin cậy vì vậy Nhóm Công ty chưa trích lập bất kỳ khoản dự phòng nào liên quan đến vụ kiện này trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, mà tính bày là khoản nợ tiềm tàng theo quy định của Chuẩn Mực Kế toán Việt Nam số 18 (Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngài là		
Đô la Mỹ (USD)	1.765.886	720.085
- Đồng Euro (EUR)	3.669	4.662

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi bộ phận ở một đơn vị kinh doanh chủ yếu được cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là cung cấp dịch vụ cảng, kho vận, giao nhận vận tải, kinh doanh thương mại (xăng dầu, nhớt), cơ khí đóng tàu, xây dựng và xuất khẩu lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lo, nguồn và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau (tiếp theo):

	Doanh thu theo các chiến dịch	Kinh doanh thương mại	Công nợ	Vay dựng	Nợ phải trả	Tổng cộng
Cập nhật tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020						
Doanh thu bộ phận						VND
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và sản phẩm ra bên ngoài	1.560.169.963.274	504.170.860.948	5.450.088.538	20.757.307.546	8.340.848.465	2.099.386.978.771
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và sản phẩm giữa các bộ phận	117.110.009.282	31.916.853.069	-	-	-	149.026.862.351
Tổng cộng	2.007.395.250.106	136.089.929.048	8.452.089.538	20.757.307.546	8.258.648.468	2.180.921.218.708
Đầu số						
Lợi nhuận trung gian của bộ phận						
Doanh thu trung gian	159.995.779.741	10.412.459.324	-	3.312.008.996	3.169.161.416	176.870.444.661
Đầu số						
Phân bổ tổng cộng từ liên doanh và liên kết						
Cổ tức liên doanh được chia						15.937.279.868
Thu nhập từ thẩm lý được chia từ						27.970.488
Chi phí chấp hành thực hiện nghĩa vụ thuế						(22.501.284.392)
Chi phí khác						13.250.512.914
Chi phí lãi vay						7.191.181.958
Chi phí giảm giá đầu tư						1.399.629.193
Chi phí chi trả khác						144.206
Doanh thu không phải bộ						135.556.631
Chi phí không phải bộ						(3.093.850.199)
Tổng cộng						127.697.081.821
Lợi nhuận kế toán trước thuế						147.772.161.634

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lo, nguồn và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau (tiếp theo):

	Doanh thu theo các chiến dịch	Kinh doanh thương mại	Công nợ	Vay dựng	Nợ phải trả	Tổng cộng
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020						
Tài sản bộ phận						VND
Tài sản không phải bộ	1.505.123.077.193	40.831.185.342	3.885.193.680	6.889.448.883	-	1.556.728.895.098
Tổng cộng	1.505.123.077.193	40.831.185.342	3.885.193.680	6.889.448.883	-	1.556.728.895.098
Đầu số						
Phân bổ bộ phận						
Tài sản không phải bộ						(72.985.930.558)
Tổng tài sản	540.179.309.915	423.645.547	-	423.266.600	63.448.461.552	604.474.683.614
Nợ phải trả bộ phận						VND
Nợ phải trả không phải bộ						(111.478.740.954)
Tổng nợ phải trả						207.967.949.358
Tổng nợ phải trả						694.983.892.018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm lịch nh kết thúc cùng ngày

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo pháp vụ kinh doanh của Nhóm Công ty sau (tiếp theo): VND

	Dịch vụ kho vận giao nhận vận tải	Kinh doanh phương tiện	Công nghệ đồng bộ	Máy công	Xuất khẩu lạc đồng	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019						
Doanh thu bộ phận						
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng ra bên ngoài	102.142.047.260	2.633.662.614	3.243.666.195	10.154.042.031	-	636.601.656.121
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận	101.610.884.267	90.887.062.291	-	-	-	192.297.956.578
	1.812.007.739.118	193.030.109.541	2.633.662.814	9.343.868.195	10.784.042.031	2.027.799.621.699
Đãi chi để						
Loại trừ doanh thu giữa các bộ phận						(107.267.556.578)
Doanh thu trong năm						- 636.601.656.171
Lợi nhuận (lỗ) bộ phận	120.451.858.890	16.268.472.656	(2.100.942.215)	3.901.522.324	3.124.199.452	141.645.110.897
Đãi chi để						
Phần lãi trong công ty liên doanh và liên kết						16.655.094.370
Cổ tức là khoản được chia						99.992.000
Thu nhập từ thanh lý khoản đầu tư						370.239.504
Thu nhập từ ủy thác đầu tư						6.471.969.730
Lãi tiền gửi						7.838.431.072
Chi phí lãi vay						(8.464.949.595)
Dù phòng giảm giá đầu tư						16.463.263.110
Doanh thu không phân bổ						6.442.632.970
Chi phí không phân bổ						(53.579.737.123)
Lợi nhuận kế toán trước thuế						152.962.996.211

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm lịch kết thúc cùng ngày

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo pháp vụ kinh doanh của Nhóm Công ty sau (tiếp theo): VND

	Dịch vụ kho vận giao nhận vận tải	Kinh doanh phương tiện	Công nghệ đồng bộ	Máy công	Xuất khẩu lạc đồng	Tổng cộng
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019						
Tài sản bộ phận	1.064.452.484.073	23.138.192.795	2.835.858.812	3.954.142.499	6.132.292.514	1.100.512.970.693
Đãi chi để						(42.879.846.000)
Phải trả bộ phận						1.27.822.350.251
Tài sản không phân bổ						2.275.456.502.248
Tổng tài sản						382.368.698.090
Nợ phải trả bộ phận	361.313.812.387	1.141.350.536	-	1.187.835.167	18.725.700.000	167.305.626.062
Đãi chi để						249.675.477.207
Phải trả bộ phận						574.618.039.630
Nợ phải trả không phân bổ						
Tổng nợ phải trả						

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Trương Quốc Cường
Người lập



Nguyễn Hoàng Giang
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021



NỘI DUNG

Phần 1: GIỚI THIỆU SOTRANS

Giới thiệu về SOTRANS.
Mô hình quản trị
Đồ thị tăng trưởng.
Các công ty con sở hữu trực tiếp và gián tiếp của sotrans
Danh sách các công ty liên doanh, liên kết.
Định hướng phát triển
Các rủi ro
Các giai đoạn phát triển.
Thành tích đạt được.
Các hiệp hội tham gia và các chứng nhận.

Phần 2: DỊCH VỤ CỦA SOTRANS

Dịch vụ Kho bãi.
Giao nhận Vận chuyển Quốc tế
Giao nhận Vận chuyển Nội địa.
Khai thác Cảng.
Dịch vụ Contract logistics.

Phần 3: KHÁCH HÀNG VÀ ĐỐI TÁC CỦA SOTRANS

Phần 4: THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Phần 5: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020

Phần 6: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Phần 7: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG TỔNG CÔNG TY

Phần 8: QUẢN TRỊ CÔNG TY

Phần 9: BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM

Địa chỉ: 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. HCM, Việt Nam

Điện thoại: (84.28) 6268 5858 - Fax: (84.28) 3826 6593

Email: info@sotrans.com.vn - Website: www.sotrans.com.vn